

MẪU SỐ 03

HỒ SƠ MỜI THẦU DỊCH VỤ TƯ VẤN QUA MẠNG ĐẤU THẦU QUỐC GIA, MỘT GIAI ĐOẠN HAI TÚI HỒ SƠ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 14469/QĐ-CNVTTQĐ ngày 23/11/2025 của Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội)

HỒ SƠ MỜI THẦU

Tên gói thầu: 601033-ĐTRR-VTNet-TVGS2026: Giám sát thi công Công trình: Xây dựng hạ tầng trạm BTS tại một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ)

Dự án: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS năm 2025 trên một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ)

Phát hành kèm theo Quyết định: 310126020/QĐ-VTNet ngày tháng 01 năm 2026.

CHỦ ĐẦU TƯ
Tổng Công ty Mạng lưới Viettel



Thượng tá Lưu Mạnh Hà

MỤC LỤC

Mô tả tóm tắt

Từ ngữ viết tắt

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT

Chương III. Điều khoản tham chiếu

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu, dự thầu và hợp đồng

MÔ TẢ TÓM TẮT

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị E-HSĐT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp E-HSĐT, mở thầu, đánh giá E-HSĐT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

Chương này áp dụng thống nhất đối với tất cả các gói thầu dịch vụ tư vấn qua mạng, được cố định theo định dạng tệp tin PDF và đăng tải trên Hệ thống.

Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSĐT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá E-HSĐT. Cụ thể:

- Mục 1: Đánh giá tính hợp lệ của E-HSĐT được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;

- Mục 2: Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật được cố định theo định dạng tệp tin PDF/word và đăng tải trên Hệ thống;

- Mục 3: Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính là tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị theo mẫu và đăng tải trên Hệ thống.

Chương III. Điều khoản tham chiếu

Điều khoản tham chiếu bao gồm việc giới thiệu về gói thầu, phạm vi công việc; yêu cầu về báo cáo, thời gian thực hiện, kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu; trách nhiệm của Chủ đầu tư. Điều khoản tham chiếu được hiển thị dưới dạng tệp tin PDF/Word do Chủ đầu tư chuẩn bị và đính kèm lên Hệ thống.

Chương IV. Biểu mẫu mời thầu, dự thầu và hợp đồng

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của E-HSĐT, E-HSĐT và hợp đồng.

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Quy chế LCNT	Quy chế lựa chọn nhà thầu tại Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Ban hành kèm theo Quyết định số 12869/QĐ-CNVTTQĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội). Quy chế này được đăng tải trên website: Dauthau.viettel.com.vn
Tập đoàn hoặc Viettel	Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội
Hệ thống	Hệ thống Mạng đấu thầu quốc gia (<i>muasamcong.mpi.gov.vn</i>)
E-HSMT	Hồ sơ mời thầu
E-HSDT	Hồ sơ dự thầu
E-HSĐXKT	Hồ sơ đề xuất kỹ thuật
E-HSĐXTC	Hồ sơ đề xuất tài chính
E-TBMT	Thông báo mời thầu
E-CDNT	Chỉ dẫn nhà thầu
KQLCNT	Kết quả lựa chọn nhà thầu

Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

<p>1. Phạm vi gói thầu</p>	<p>1.1. Chủ đầu tư – <i>Tổng Công ty Mạng lưới Viettel</i> phát hành bộ E-HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu dịch vụ tư vấn theo phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu: <i>601033-ĐTRR-VTNet-TVGS2026: Giám sát thi công Công trình: Xây dựng hạ tầng trạm BTS tại một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ).</i></p> <p>1.3. Dự án: <i>Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS năm 2025 trên một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ).</i></p> <p>1.4. Việc tổ chức LCNT gói thầu này thực hiện theo Quy chế LCNT.</p>
<p>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu qua mạng</p>	<p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận E-HSDT và được quy định trong TBMT trên Hệ thống.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng trên Hệ thống là thời gian và ngày tháng được hiển thị trên Hệ thống (GMT+7).</p>
<p>3. Nguồn vốn</p>	<p>Nguồn vốn để sử dụng cho gói thầu: <i>Vốn góp của chủ sở hữu.</i></p>
<p>4. Hành vi bị cấm</p>	<p>4.1. Đưa, nhận hoặc môi giới hối lộ;</p> <p>4.2. Can thiệp trái pháp luật hoặc trái quy định của Tập đoàn vào hoạt động lựa chọn nhà thầu;</p> <p>4.3. Dàn xếp, thông thầu, gian lận, che giấu hoặc hành vi cố ý khác làm sai lệch thông tin, KQLCNT;</p> <p>4.4. Chia nhỏ gói thầu trái quy định để chỉ định thầu hoặc để không hình thành gói thầu;</p> <p>4.5. Tiết lộ, lợi dụng thông tin nội bộ và các thông tin liên quan trong quá trình tổ chức LCNT nhằm trục lợi;</p> <p>4.6. Không trung thực trong cung cấp hồ sơ, tài liệu;</p> <p>4.7. Cản trở, đe dọa, mua chuộc thành viên Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định hoặc cá nhân khác có liên quan;</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu bao gồm việc (i) nhà thầu tự ý chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng, hoặc chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT, HSDX mà không được Chủ đầu tư chấp thuận hoặc (ii) Chủ đầu tư chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc gói thầu vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng;</p> <p>4.9. Đưa thông tin thất thiệt, không đúng sự thật lên các phương tiện truyền thông gây ảnh hưởng, mất uy tín của Tập đoàn;</p> <p>4.10. Lợi dụng việc phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo để gửi đơn thư sai sự thật, gây ảnh hưởng, mất uy tín của Tập đoàn.</p>

<p>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</p>	<p>5.1. Nhà thầu là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; b) Hạch toán tài chính độc lập; c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập, hoạt động; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của Tập đoàn hoặc các Đơn vị thành viên của Tập đoàn tổ chức theo quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định mua sắm thường xuyên, quy chế về lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật về đấu thầu; f) Có tên trong Danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được Danh sách ngăn; <p>5.2. Nhà thầu là hộ kinh doanh có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật; b) Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; c) Các điều kiện tại điểm e, f Mục 5.1. <p>5.3. Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân; b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp trong trường hợp pháp luật có quy định; c) Các điều kiện tại điểm d, e Mục 5.1. <p>5.4. Các nhà thầu có thể liên danh trên cơ sở thỏa thuận liên danh để tham dự thầu, đứng tên dự thầu. Trong trường hợp liên danh, thỏa thuận liên danh phải quy định rõ trách nhiệm của thành viên đứng đầu liên danh và trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên trong liên danh đối với toàn bộ phạm vi của gói thầu.</p> <p>5.5. Các Đơn vị thành viên của Tập đoàn được phép tham dự thầu các gói thầu của Tập đoàn và được mặc định là có tư cách hợp lệ.</p>
--	---

	<p>5.6. Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định: <i>[Đối với gói thầu tư vấn có liên quan đến hoạt động giám sát thi công xây dựng công trình, thẩm định chất lượng công trình/ hàng hóa... thì Chủ đầu tư phải đưa yêu cầu như sau:]</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thầu thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị công trình: _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]; + Nhà thầu cung cấp hàng hóa: _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của đơn vị tư vấn (nếu có)]; + Các nhà thầu khác (nếu cần thiết): _____ [ghi đầy đủ tên và địa chỉ của nhà thầu khác (nếu có)]. - Nhà thầu tham dự thầu không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với nhà thầu tư vấn (đã nêu trên)¹. - Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương. <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> X_i: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ i; Y_i: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ i trong thỏa thuận liên danh; n: Số thành viên tham gia trong liên danh.
<p>6. Nội dung của E-HSMT</p>	<p>6.1.E- HSMT bao gồm: E-TBMT và các Chương I, II, II, IV cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu; - Chương II. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; - Chương III. Điều khoản tham chiếu. - Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.

¹ Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp.

	<p>6.2. Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của E-HSMT, tài liệu giải thích làm rõ E-HSMT hay các tài liệu sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7 E-CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp bởi Chủ đầu tư trên Hệ thống. E-HSMT do Chủ đầu tư phát hành trên Hệ thống sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của E-TBMT, E-HSMT bao gồm các nội dung sửa đổi, làm rõ E-HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị E-HSDT theo yêu cầu của E-HSMT cho phù hợp.</p>
<p>7. Sửa đổi, làm rõ E-HSMT</p>	<p>7.1. Trường hợp sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo các nội dung sửa đổi và E-HSMT sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi E-HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu là 3 ngày làm việc trước ngày đóng thầu. Trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ E-HSMT, Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Chủ đầu tư thông qua Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu để Chủ đầu tư xem xét, xử lý. Chủ đầu tư tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trên Hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi E-HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi E-HSMT theo quy định tại Mục 7.1 E-CDNT.</p> <p>7.3. Nhà thầu chịu trách nhiệm theo dõi thông tin trên Hệ thống để cập nhật thông tin về việc sửa đổi E-HSMT, thay đổi thời điểm đóng thầu (nếu có) để làm cơ sở chuẩn bị E-HSDT. Trường hợp xảy ra các sai sót do không theo dõi, cập nhật thông tin trên Hệ thống dẫn đến bất lợi cho nhà thầu trong quá trình tham dự thầu bao gồm: thay đổi, sửa đổi E-HSMT, thời điểm đóng thầu và các nội dung khác thì nhà thầu phải tự chịu trách nhiệm và chịu bất lợi trong quá trình tham dự thầu.</p> <p>7.4. Hội nghị tiền đấu thầu: <i>Không</i>.</p>
<p>8. Chi phí dự thầu</p>	<p>E-HSMT được phát hành miễn phí trên Hệ thống ngay sau khi Chủ đầu tư đăng tải thành công E-TBMT trên Hệ thống. Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu.</p> <p>Chi phí nộp E-HSDT: Theo quy định của hệ thống.</p> <p>Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.</p>

9. Ngôn ngữ của E-HSDT	E-HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến E-HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong E-HSDT (catalog...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Chủ đầu tư có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).
10. Thành phần của E-HSDT	<p>E-HSDT bao gồm E-HSĐXKT và E-HSĐXTC:</p> <p>10.1. E-HSĐXKT bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSĐXKT theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với trường hợp nhà thầu liên danh); - Đề xuất kỹ thuật theo quy định tại Mục 14 E-CDNT và các Mẫu thuộc Chương IV; <p>10.2. E-HSĐXTC bao gồm các thành phần sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn dự thầu trong E-HSĐXTC theo quy định tại Mục 11 E-CDNT; - Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 E-CDNT và Mục 12 E-CDNT. <p>10.3. Nhà thầu phải nộp cùng với E-HSDT các tài liệu sau đây: <i>Không yêu cầu.</i></p>
11. Đơn dự thầu và các bảng biểu	<p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành E-HSDT.</p> <p>Nhà thầu chịu trách nhiệm thống nhất các thông tin kê khai trên Hệ thống với E-HSDT đính kèm.</p> <p>Trường hợp có sự khai khác giữa các thông tin kê khai trên Hệ thống và thông tin trong E-HSDT đính kèm thì thông tin kê khai trên Hệ thống là căn cứ để đánh giá E-HSDT (ngoại trừ Bảo lãnh dự thầu).</p>
12. Giá dự thầu và giảm giá	<p>12.1. Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC (chưa bao gồm giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục nêu trong Bảng tổng hợp chi phí.</p> <p>12.2. Phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia: <i>Không yêu cầu.</i></p> <p><i>Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia thì ghi rõ “Không yêu cầu”</i></p> <p><i>Trường hợp yêu cầu nhà thầu phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia thì ghi rõ “Nhà thầu phải phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A Chương IV”].</i></p>

13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán	Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VND.
14. Đề xuất kỹ thuật	<p>14.1. Đề xuất kỹ thuật không được nêu bất kỳ thông tin tài chính nào. Nếu đề xuất kỹ thuật của nhà thầu có những thông tin tài chính quan trọng thì nhà thầu phải chịu trách nhiệm về những bất lợi do việc để lộ thông tin tài chính trong đề xuất kỹ thuật (nếu có).</p> <p>14.2. Nhà thầu không được đề xuất phương án khác về nhân sự chủ chốt. Mỗi vị trí nhân sự chủ chốt chỉ được đề xuất một lý lịch chuyên gia.</p> <p>14.3. Đối với gói thầu áp dụng hợp đồng theo thời gian:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Trường hợp không áp dụng thì ghi rõ:</i> Không áp dụng - <i>Trường hợp áp dụng, tổ chuyên gia điền nội dung sau:</i> Nhà thầu phải đề xuất thời gian làm việc của nhân sự chủ chốt không ngắn hơn ___[ghi số ngày/người hoặc tháng/người]. <p>14.4. Trường hợp gói thầu đã áp dụng mời quan tâm, nếu có sự thay đổi về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu khi nộp E-HSDT và khi tham dự quan tâm thì phải cập nhật lại năng lực và kinh nghiệm của mình.</p>
15. Thời hạn có hiệu lực của E-HSDT	<p>15.1. E-HSDT có hiệu lực không ngắn hơn <i>90 ngày</i>, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>15.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, Chủ đầu tư có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của E-HSDT. Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của E-HSDT thì E-HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn E-HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của E-HSDT. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện trên Hệ thống.</p>
16. Thời điểm đóng thầu	<p>16.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại E-TBMT.</p> <p>16.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi E-TBMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p>
17. Nộp, rút và sửa đổi E-HSDT	<p>17.1. Nộp E-HSDT: Nhà thầu chỉ nộp một bộ E-HSDT đối với một E-TBMT khi tham gia đấu thầu. Trường hợp liên danh, thành viên đứng đầu liên danh (theo thỏa thuận trong liên danh) thay mặt liên danh nộp E-HSDT sau khi được sự chấp thuận của tất cả các thành viên trong liên danh.</p>

	<p>17.2. Sửa đổi, nộp lại E-HSDT: Trường hợp cần sửa đổi E-HSDT đã nộp, nhà thầu phải tiến hành rút toàn bộ E-HSDT đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện E-HSDT, nhà thầu tiến hành nộp lại E-HSDT mới. Trường hợp nhà thầu đã nộp E-HSDT trước khi Chủ đầu tư thực hiện sửa đổi E-HSMT (nếu có) thì nhà thầu phải nộp lại E-HSDT mới cho phù hợp với E-HSMT đã được sửa đổi. Trường hợp nhà thầu không nộp lại E-HSDT thì E-HSDT đã nộp trước thời điểm E-HSMT được sửa đổi sẽ không được mở, xem xét, đánh giá.</p> <p>17.3. Rút E-HSDT: Nhà thầu được rút E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Trường hợp rút E-HSDT sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSDT thì nhà thầu bị đánh giá là không bảo đảm uy tín khi tham dự thầu và không được tiếp tục đánh giá E-HSDT.</p> <p>17.4. Nhà thầu chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại E-HSDT trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các E-HSDT nộp thành công trên Hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.</p>
<p>18. Mở E-HSĐXKT</p>	<p>18.1. Chủ đầu tư phải tiến hành mở E-HSĐXKT và công khai biên bản mở E-HSĐXKT trên Hệ thống trong thời hạn không quá 02 giờ, kể từ thời điểm đóng thầu. Trường hợp chỉ có 01 nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét, xử lý tình huống theo quy định tại khoản 5 Điều 36 Quy chế LCNT. Trường hợp không có nhà thầu nộp E-HSDT, Chủ đầu tư xem xét gia hạn thời điểm đóng thầu hoặc tổ chức lại việc lựa chọn nhà thầu qua mạng (hủy E-TBMT này và đăng tải E-TBMT mới) theo quy định tại khoản 4 Điều 36 Quy chế LCNT.</p> <p>18.2. Biên bản mở E-HSĐXKT được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; - Tổng số nhà thầu tham dự. <p>b) Thông tin về các nhà thầu tham dự:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXKT; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).

<p>19. Đánh giá E-HSĐXKT</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư áp dụng Phương pháp đánh giá E-HSĐT là: + <i>Đánh giá về kỹ thuật: Chấm điểm.</i> + <i>Đánh giá về giá: Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá.</i></p> <p>19.2. Quy trình đánh giá E-HSĐXKT như sau: a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II. b) Bước 2: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương II: - Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm trong E-HSĐT để đánh giá. Trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin hợp đồng tương tự hoặc thông tin hợp đồng tương tự kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. - Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm. - Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai và trong tài liệu đính kèm. Đối với một vị trí nhân sự chủ chốt, E-HSĐT chào thiếu số lượng theo yêu cầu của E-HSMT thì không đáp ứng về kỹ thuật. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSĐXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 E-CDNT và Mục 21 E-CDNT. - Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSĐXTC theo quy định tại Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. - Nhà thầu có E-HSĐXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSĐXTC để đánh giá. - Chủ đầu tư đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống.</p>
<p>20. Mở E-HSĐXTC</p>	<p>20.1. E-HSĐXTC của các nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất (đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật) sẽ được Chủ đầu tư tiến hành mở và công khai trên Hệ thống. 20.2. Biên bản mở E-HSĐXTC được đăng tải công khai trên Hệ thống, bao gồm các nội dung chủ yếu sau: a) Thông tin về gói thầu: - Số E-TBMT; - Tên gói thầu;</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng; - Thời điểm hoàn thành mở thầu; <p>b) Thông tin về các nhà thầu được mở E-HSĐXTC:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá (nếu có); - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) - Điểm kỹ thuật của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, điểm kỹ thuật của nhà thầu xếp thứ nhất đối với phương pháp dựa trên kỹ thuật; - Thời gian có hiệu lực của E-HSĐXTC; - Các thông tin liên quan khác (nếu có).
<p>21. Đánh giá E-HSĐXTC và xếp hạng nhà thầu</p>	<p>21.1. Đánh giá E-HSĐXTC theo quy định tại Mục 3 Chương II;</p> <p>21.2. Sau khi đánh giá về giá, Chủ đầu tư lập danh sách xếp hạng nhà thầu. Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về giá thì không cần phải xếp hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định như sau:</p> <p><i>Xếp hạng nhà thầu: nhà thầu có điểm tổng hợp cao nhất được xếp thứ nhất.</i></p>
<p>22. Bảo mật</p>	<p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá E-HSĐT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong E-HSĐT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ E-HSĐT, đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư về các vấn đề liên quan đến E-HSĐT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>

<p>23. Làm rõ E-HSDT</p>	<p>23.1. Sau khi mở thầu, Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trường hợp E-HSDT của nhà thầu thiếu tài liệu về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện gói thầu, Chủ đầu tư gửi yêu cầu làm rõ để nhà thầu bổ sung, làm rõ để chứng minh các thông tin này đã tồn tại trước thời điểm đóng thầu, không làm thay đổi các nội dung cơ bản đã chào. b) Đối với các nội dung về tính hợp lệ của E-HSDT (trừ nội dung về tư cách hợp lệ), đề xuất về kỹ thuật, tài chính, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của E-HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu. Đối với thỏa thuận liên danh, được phép làm rõ các nội dung liên quan đến công việc và tỷ lệ thực hiện của các thành viên trong liên danh. c) Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu. <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ E-HSDT giữa nhà thầu và Chủ đầu tư được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống.</p> <p>23.3. Việc làm rõ E-HSDT chỉ được thực hiện giữa Chủ đầu tư và nhà thầu có E-HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Chủ đầu tư thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá E-HSDT của nhà thầu theo E-HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Chủ đầu tư phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để nhà thầu thực hiện việc làm rõ E-HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp E-HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, bảo hành, bảo trì mà E-HSDT không đính kèm các tài liệu này thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ E-HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá E-HSDT.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của E-HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 E-CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p>
---------------------------------	---

<p>24. Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch</p>	<p>24.1. Giá dự thầu mà nhà thầu đề xuất trong đơn dự thầu thuộc E-HSĐXTC được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu theo phạm vi công việc nêu trong E-HSMT.</p> <p>24.2. Trường hợp có sự khác biệt giữa đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về tài chính về số lượng nhân sự tham gia thực hiện gói thầu, số ngày công, số lượng trong từng hạng mục chi phí ngoài lương, số lượng trong các yếu tố đầu vào khác đã chào trong đề xuất kỹ thuật và đề xuất tài chính thì số lượng thuộc đề xuất về kỹ thuật là cơ sở để sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp này được thực hiện theo số lượng, khối lượng nêu trong đề xuất kỹ thuật với đơn giá nêu trong đề xuất tài chính.</p> <p>24.3 Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong hồ sơ dự thầu bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:</p> <p>a) Lỗi số học bao gồm nhưng lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Đối với hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo chi phí cộng phí, hợp đồng theo kết quả đầu ra, hợp đồng theo tỷ lệ phần trăm, trường hợp có sự không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi;</p> <p>b) Trường hợp tổng giá trị của các hạng mục không chính xác do lỗi khi cộng trừ giá trị của các hạng mục thì giá trị của các hạng mục là cơ sở để sửa lỗi;</p> <p>c) Trường hợp không nhất quán giữa giá dự thầu ghi bằng số và giá dự thầu ghi bằng chữ thì giá dự thầu ghi bằng chữ là cơ sở để sửa lỗi, trừ trường hợp giá ghi bằng chữ không có nghĩa; trường hợp giá dự thầu ghi bằng chữ có sai sót về lỗi số học thì giá ghi bằng số là cơ sở cho việc sửa lỗi sau khi được chuẩn xác (nếu có) theo điểm a và điểm b khoản này;</p> <p>d) Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó.</p> <p>đ) Lỗi nhầm đơn vị tính: Sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của E-HSMT.</p> <p>24.4 Hiệu chỉnh sai lệch:</p>
--	--

a) Nhà thầu phải ghi đơn giá dự thầu, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong bảng giá dự thầu. Trường hợp nhà thầu liệt kê hạng mục công việc như yêu cầu trong E-HSMT nhưng không ghi đơn giá dự thầu và thành tiền cho một hoặc một số hạng mục công việc thì hạng mục công việc này **không được coi** là chào thiếu, đơn giá phần công việc này được coi là đã phân bổ vào đơn giá của các công việc khác trong bảng giá dự thầu và sẽ không được chủ đầu tư thanh toán riêng.

Hạng mục công việc nêu trong E-HSMT không được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu được coi là phần chào thiếu trong E-HSDT và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này để so sánh, xếp hạng các E-HSDT. Hạng mục công việc nêu trong E-HSMT được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu và có đơn giá dự thầu nhưng khối lượng ít hơn hoặc nhiều hơn so với yêu cầu của E-HSMT được coi là phần chào thiếu hoặc chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm c khoản này.

Hạng mục công việc được liệt kê trong bảng giá dự thầu của nhà thầu không thuộc phạm vi công việc nêu trong E-HSMT được coi là phần chào thừa và được hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b khoản này.

b) Hiệu chỉnh sai lệch thừa, thiếu về phạm vi cung cấp:

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thiếu một hoặc một số hạng mục theo quy định tại điểm a khoản này và không có đơn giá của các hạng mục này thì lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục này trong số các E-HSDT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong E-HSDT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá thì lấy đơn giá trong dự toán gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu để hiệu chỉnh sai lệch, làm cơ sở so sánh, xếp hạng nhà thầu. Việc hiệu chỉnh sai lệch thiếu chỉ nhằm mục đích so sánh, xếp hạng E-HSDT.

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thiếu khối lượng so với yêu cầu trong E-HSMT thì giá trị của phần công việc chào thiếu được cộng thêm theo đơn giá tương ứng trong E-HSDT.

Trường hợp E-HSDT của nhà thầu chào thừa khối lượng so với yêu cầu trong E-HSMT thì giá trị của phần công việc chào thừa sẽ bị trừ đi theo đơn giá tương ứng trong E-HSDT.

24.5 Trường hợp nhà thầu có giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá.

24.6. Áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu đối với nhà thầu xếp hạng thứ nhất:

	<p>Trường hợp E-HSDT của nhà thầu có sai lệch thiếu sau khi hiệu chỉnh sai lệch theo quy định tại điểm b Mục 24.4 E-CDNT vẫn được xếp hạng thứ nhất và E-HSDT của nhà thầu này không có đơn giá của phần sai lệch thiếu thì đơn giá đề nghị trúng thầu của phần sai lệch thiếu sẽ lấy theo thứ tự ưu tiên: đơn giá tương ứng có giá trị thấp nhất trong các E-HSDT vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật, đơn giá trong dự toán gói thầu, đơn giá hình thành giá gói thầu (trong trường hợp không có dự toán gói thầu).</p> <p>24.7. Sau khi sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch và áp đơn giá đối với phần sai lệch thiếu theo quy định tại các Mục 24.3, 24.4, 24.5, 24.6 E-CDNT, chủ đầu tư phải thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá đối với E-HSDT của nhà thầu. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của chủ đầu tư, nhà thầu phải có văn bản thông báo cho chủ đầu tư về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của chủ đầu tư. Trường hợp nhà thầu không đồng ý với kết quả sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá theo thông báo của chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu đó bị loại, trừ trường hợp việc sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, áp đơn giá của chủ đầu tư không phù hợp, chính xác.</p>
<p>25. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu <i>Không áp dụng</i></p>	<p>25.1. Trường hợp sau khi đánh giá, có nhiều nhà thầu được đánh giá tốt nhất, ngang nhau thì xử lý ưu tiên như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trao thầu cho nhà thầu có điểm kỹ thuật cao hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất; Trao thầu cho nhà thầu có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp hơn đối với gói thầu áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá hoặc gói thầu áp dụng phương pháp giá cố định).
<p>26. Nhà thầu phụ</p>	<p>26.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký kết hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện một hoặc một số hạng mục công việc của gói thầu. Nhà thầu phải kê khai nhà thầu phụ và các hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ theo Mẫu số 10 Chương IV. Trường hợp tại thời điểm tham dự thầu, chưa xác định được nhà thầu phụ thì phải kê khai các hạng mục công việc dự kiến dành cho nhà thầu phụ.</p> <p>26.2. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ). Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT hoặc ký</p>

	<p>với nhà thầu phụ được Chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc gói thầu.</p> <p>26.3. Nhà thầu chỉ được sử dụng nhà thầu phụ thực hiện các công việc với tổng giá trị dành cho nhà thầu phụ không vượt quá: 30 (%) (<i>ghi tỷ lệ</i>) trên giá dự thầu. Đối với trường hợp liên danh, từng thành viên liên danh chỉ được sử dụng nhà thầu phụ không vượt quá tỷ lệ phần trăm quy định tại Mục này trên giá trị phần công việc mà thành viên liên danh đó đảm nhận trong thoả thuận liên danh.</p> <p>26.4. Nhà thầu có hành vi chuyên nhượng thầu: Chuyên nhượng thầu bao gồm việc (i) nhà thầu tự ý chuyên nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng, hoặc chưa vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng nhưng ngoài phạm vi công việc dành cho nhà thầu phụ đã đề xuất trong E-HSDT, HSĐX mà không được Chủ đầu tư chấp thuận hoặc (ii) Chủ đầu tư chấp thuận để nhà thầu chuyển nhượng công việc thuộc gói thầu vượt quá giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ đã nêu trong hợp đồng</p> <p>26.5. Nhà thầu không được sử dụng nhà thầu phụ mà nhà thầu phụ này có tham gia cung cấp dịch vụ tư vấn cho gói thầu đó, bao gồm: lập, thẩm định HSMQT, E-HSMT; đánh giá HSQT, E-HSDT; thẩm định kết quả mời quan tâm, kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>
<p>27. Đối chiếu tài liệu và thương thảo hợp đồng</p>	<p>27.1. Nhà thầu được mời vào thương thảo hợp đồng phải nộp một bộ tài liệu chứng minh tính hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm cho Chủ đầu tư để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong E-HSDT.</p> <p>27.2. Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

	<p>- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.</p> <p>27.3. Nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng trừ trường hợp bất khả kháng hoặc đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng nhưng không đáp ứng quy định của E-HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng mà không phải xếp hạng lại nhà thầu.</p> <p>Trường hợp phát hiện nhà thầu kê khai không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận quy định tại Mục 4.3 E-CDNT. Nhà thầu có tài liệu đối chiếu phù hợp sẽ được tiếp tục thương thảo hợp đồng.</p> <p>27.4. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Báo cáo đánh giá E-HSDT; b) E-HSDT và các tài liệu làm rõ E-HSDT (nếu có) của nhà thầu; c) E-HSMT bao gồm điều kiện chung, điều kiện cụ thể của hợp đồng và các tài liệu làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>27.5. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Việc thương thảo bao gồm thảo luận điều khoản tham chiếu, phương pháp luận được đề xuất, điều kiện cụ thể của hợp đồng và hoàn thiện phần “Phạm vi công việc” của hợp đồng với điều kiện không làm thay đổi đáng kể phạm vi dịch vụ ban đầu theo điều khoản tham chiếu hay điều khoản của hợp đồng; b) Kế hoạch công tác và bố trí nhân sự; c) Tiến độ; d) Giải quyết thay đổi nhân sự (nếu có); đ) Bố trí điều kiện làm việc; e) Thương thảo về chi phí dịch vụ tư vấn trên cơ sở phù hợp với yêu cầu của gói thầu và điều kiện thực tế, bao gồm việc xác định rõ các khoản thuế nhà thầu phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế (nếu có), phương thức nộp thuế (nhà thầu trực tiếp nộp thuế hoặc Chủ đầu tư giữ lại một khoản tiền tương đương với giá trị thuế để nộp thay cho nhà thầu theo quy định của pháp luật hiện hành), giá trị nộp thuế và các vấn đề liên quan khác đến nghĩa vụ nộp thuế phải được nêu cụ thể trong hợp đồng;
--	---

	<p>g) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>h) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>Trong quá trình thương thảo, nhà thầu không được thay đổi nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT, trừ trường hợp do thời gian đánh giá E-HSDT kéo dài hơn so với dự kiến trong kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà thầu đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp này, nhà thầu được thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm các nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và nhà thầu không được thay đổi giá dự thầu.</p> <p>27.6. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; ĐKCT của hợp đồng.</p> <p>27.7. Trường hợp thương thảo không thành công, Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT.</p> <p>27.8. Trường hợp vì lý do khách quan, bất khả kháng dẫn đến nhà thầu không thể đến thương thảo hợp đồng trực tiếp với Chủ đầu tư, Chủ đầu tư có thể xem xét, thương thảo qua mạng.</p> <p>27.9. Chủ đầu tư gửi thông báo thương thảo, đối chiếu tài liệu đến nhà thầu. Trong thông báo mời thương thảo, đối chiếu tài liệu phải ghi rõ địa điểm, thời gian thương thảo, đối chiếu tài liệu phù hợp để bảo đảm nhà thầu có đủ thời gian chuẩn bị và đến thương thảo, đối chiếu tài liệu theo yêu cầu của Chủ đầu tư.</p>
<p>28. Điều kiện xét duyệt trúng thầu</p>	<p>Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>28.1. Có E-HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương II;</p> <p>28.2. Có đề xuất kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương II;</p> <p>28.3. Có giá dự thầu thấp nhất đối với phương pháp giá thấp nhất; có điểm kỹ thuật cao nhất đối với phương pháp giá cố định và phương pháp dựa trên kỹ thuật; có điểm tổng hợp cao nhất đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá;</p> <p>28.4. Có giá đề nghị trúng thầu không vượt giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu theo quy định như sau:</p>

	<p><i>Giá gói thầu để làm căn cứ xét duyệt trúng thầu: Không bao gồm chi phí phát sinh khối lượng và chi phí dự phòng trượt giá có thể xảy ra trong quá trình thực hiện hợp đồng.</i></p>
<p>29. Hủy thầu</p>	<p>29.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Tất cả E-HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của E-HSMT; b) E-HSMT không tuân thủ quy định dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu; c) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại Điều 9 của Quy chế LCNT dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu; d) Đấu thầu trước nhưng Dự án/khoản đầu tư không được phê duyệt theo khoản 5 Điều 25 của Quy chế LCNT; e) Hủy thầu theo quy định tại khoản 15 Điều 36 Quy chế LCNT. <p>29.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm của Quy định Về lựa chọn nhà thầu trong Công ty mẹ Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c Mục 29.1 E-CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p>
<p>30. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</p>	<p>30.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống kèm theo báo cáo đánh giá E-HSDT trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông tin về gói thầu: <ul style="list-style-type: none"> - Số E-TBMT; - Tên gói thầu; - Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có); - Tên Chủ đầu tư; - Hình thức lựa chọn nhà thầu; - Loại hợp đồng. b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu: <ul style="list-style-type: none"> - Mã số thuế; - Tên nhà thầu; - Giá dự thầu; - Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có); - Điểm kỹ thuật; - Giá trúng thầu; - Thời gian thực hiện gói thầu; - Thời gian thực hiện hợp đồng. c) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.

	<p>30.2. Trường hợp có yêu cầu giải thích lý do cụ thể nhà thầu không trúng thầu, nhà thầu gửi đề nghị trên Hệ thống hoặc gặp trực tiếp Chủ đầu tư. Chủ đầu tư có trách nhiệm trả lời yêu cầu của nhà thầu trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu của nhà thầu.</p> <p>30.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 29.1 E-CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p>
<p>31. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng</p>	<p>Sau khi Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng, bao gồm thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định tại Mẫu số 16 Chương IV cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng được tính kể từ ngày Chủ đầu tư gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu trên Hệ thống.</p>
<p>32. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng</p>	<p>Hoàn thiện hợp đồng và ký kết hợp đồng thực hiện như sau:</p> <p>32.1. Việc hoàn thiện hợp đồng để ký kết hợp đồng dựa trên cơ sở sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Dự thảo hợp đồng; b) Các nội dung cần được hoàn thiện hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu trúng thầu; c) Kết quả lựa chọn nhà thầu được duyệt; d) Biên bản thương thảo hợp đồng; đ) Các nội dung nêu trong E-HSDT và văn bản giải thích làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu (nếu có); e) Các yêu cầu nêu trong E-HSMT và văn bản làm rõ, sửa đổi E-HSMT (nếu có). <p>32.2. Sau khi nhận được thông báo trúng thầu, trong thời hạn ngày, các bên tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. Quá thời hạn nêu trên, nếu nhà thầu từ chối vào hoàn thiện, ký kết hợp đồng thì Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà thầu trước đó và quyết định lựa chọn nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 27 E-CDNT. Trong trường hợp đó, nhà thầu sẽ được Chủ đầu tư yêu cầu gia hạn hiệu lực E-HSDT, nếu cần thiết.</p> <p>32.3. Trường hợp nhà thầu trúng thầu từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm lên Hệ thống để Chủ đầu tư có cơ sở đánh giá về uy tín của nhà thầu trong các lần tham dự thầu tiếp theo.</p> <p>32.4. Sau khi hoàn thiện hợp đồng, Chủ đầu tư và nhà thầu sẽ ký kết hợp đồng. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, E-HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p>

<p>33. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</p>	<p>33.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị Người có thẩm quyền, Chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định tại các Điều 37 và 38 của Quy định Về lựa chọn nhà thầu trong Công ty mẹ Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội.</p> <p>33.2. Trường hợp kiến nghị lên Chủ đầu tư, nhà thầu, cơ quan, tổ chức gửi kiến nghị trực tiếp trên Hệ thống. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ:</p> <p>- Người có thẩm quyền: Ông Lưu Mạnh Hà - Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel – Tập đoàn Công nghiệp – Viễn thông Quân đội.</p> <p>+ Địa chỉ: Lô B1C cụm SXTTCN&CNN, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.</p> <p>+ E-mail: <i>msc_vtnet@viettel.com.vn</i>.</p>
---	--

Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1). *(Ví dụ: thời điểm đóng thầu là vào ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022);*

Đối với nhà thầu có thời gian thành lập dưới 01 năm và không phải kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu thì không đánh giá tiêu chí này.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

3. Tư cách hợp lệ theo quy định tại khoản Mục 5 E-CDNT

Nhà thầu có E-HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong các bước tiếp theo.

Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

2.1. Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng E-HSDT được thực hiện theo phương pháp chấm điểm, trong đó phải quy định mức điểm tối đa đối với các tiêu chuẩn tổng quát, tiêu chuẩn chi tiết; quy định mức điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát và chi tiết của các nội dung giải pháp và phương pháp luận, nhân sự chủ chốt. Đối với tiêu chuẩn về kinh nghiệm và năng lực của nhà thầu, căn cứ tính chất gói thầu để xác định sự cần thiết quy định hoặc không quy định điểm tối thiểu đối với tiêu chuẩn tổng quát này. Việc đánh giá hợp đồng tương tự của nhà thầu liên danh căn cứ vào khối lượng công việc của từng thành viên trong liên danh đảm nhận.

Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật bao gồm các nội dung sau đây:

Bảng số 01

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Kinh nghiệm và năng lực nhà thầu (10% tổng số điểm) - Đã thực hiện gói thầu có tính chất tương tự (Gói thầu tự vấn giám sát thi công xây dựng công trình kết cấu dạng cột, trụ, tháp trong công trình hạ tầng kỹ thuật) trong 5 năm gần đây ⁽¹⁾	10	- Không gói thầu: 0 điểm - Có 1 gói thầu: 6 điểm - Có 2 gói thầu: 8 điểm - Có >2 gói thầu: 10 điểm	
2	Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu⁽³⁾ (5% tổng số điểm) -Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu: Từ năm 2021 đến thời điểm đóng thầu không có gói thầu nào có quyết định trúng thầu nhưng không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng. -Uy tín của nhà thầu thông qua việc thực hiện hợp đồng: Từ năm 2021 đến thời điểm đóng thầu không có hợp đồng nào không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.	5	- Có thực hiện hành vi: 0 điểm - Không thực hiện hành vi: 5 điểm	
3	Giải pháp và phương pháp luận (35% tổng số điểm)	35		20

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.1	<p>Hiểu rõ mục đích gói thầu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu rõ mục đích gói thầu (Am hiểu về phạm vi, quy mô, tính chất, nội dung công việc của gói thầu). 	5	<ul style="list-style-type: none"> - Không trình bày hoặc trình bày sai nội dung yêu cầu: 0 điểm - Trình bày đúng nội dung yêu cầu nhưng còn sơ sài: 3 điểm - Trình bày theo đúng nội dung yêu cầu: 5 điểm 	3
3.2	<p>Cách tiếp cận và phương pháp luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thuyết minh nội dung về công tác giám sát chất lượng, giám sát khối lượng, giám sát tiến độ. - Thuyết minh nội dung về công tác giám sát phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động và vệ sinh môi trường - Thuyết minh về chế độ báo cáo và tổ chức các cuộc họp. - Thuyết minh các tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng. - Thuyết minh quy trình kiểm soát trong quá trình giám sát thi công 	15	<ul style="list-style-type: none"> - Không thuyết minh hoặc thuyết minh sai nội dung yêu cầu: 0 điểm - Thuyết minh đúng nội dung yêu cầu nhưng còn sơ sài: 8 điểm - Thuyết minh theo đúng nội dung yêu cầu: 15 điểm 	8
3.3	<p>Sáng kiến cải tiến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng kiến cải tiến nhằm nâng cao chất lượng và rút ngắn tiến độ thực hiện gói thầu 	4	<ul style="list-style-type: none"> - Không có sáng kiến cải tiến: 0 điểm - Có sáng kiến nhưng hiệu quả chưa cao: 2,4 điểm - Có sáng kiến đáp ứng yêu cầu: 4 điểm 	2,4

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
3.4	<p>Cách trình bày:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách trình bày hồ sơ dự thầu: khoa học, rõ ràng, theo trình tự các đề mục của tiêu chuẩn đánh giá. 	4	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày không khoa học, không rõ ràng, không theo trình tự: 0 điểm - Trình bày khoa học, rõ ràng, nhưng không theo trình tự: 2,4 điểm - Trình bày khoa học, rõ ràng, theo trình tự: 4 điểm 	2,4
3.5	<p>Kế hoạch triển khai:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biểu đồ tiến độ thực hiện dịch vụ đảm bảo tiến độ gói thầu. - Lập kế hoạch thực hiện dịch vụ đáp ứng với tiến độ thi công gói thầu 	3	<ul style="list-style-type: none"> - Không trình bày hoặc trình bày không đúng nội dung yêu cầu: 0 điểm - Trình bày đáp ứng nội dung yêu cầu nhưng còn sơ sài: 1,8 điểm - Trình bày đúng với nội dung yêu cầu: 3 điểm 	1,8
3.6	<p>Bố trí nhân sự</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đưa ra bảng kê khai nhân sự thực hiện gói thầu và bố trí nhân sự phù hợp với kế hoạch triển khai 	4	<ul style="list-style-type: none"> - Không có bảng kê khai nhân sự: 0 điểm - Có bảng kê khai nhân sự nhưng bố trí chưa phù hợp với kế hoạch triển khai: 2,4 điểm - Có bảng kê khai nhân sự và bố trí phù hợp với kế hoạch triển khai: 4 điểm 	2,4
4	<p>Nhân sự chủ chốt (Có bảng danh sách nhân sự chủ chốt và tài liệu chứng minh bằng cấp, năng lực kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt)</p>	50		50
	Vị trí	Số lượng		

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.1	<p>Tư vấn Giám sát trường</p> <p>Yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng còn hiệu lực; + Chứng chỉ được cấp trước ngày 30/12/2024; Sử dụng chứng chỉ hành nghề giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng kỹ thuật (Theo Khoản 18. Điều 122; “Xử lý chuyển tiếp” của Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024). + Chứng chỉ được cấp sau ngày 30/12/2024. Sử dụng Chứng chỉ hành nghề Giám sát công tác xây dựng công trình (Theo Mục 4.1 Phụ lục VII. Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024). 	01 người	<ul style="list-style-type: none"> - Không có nhân sự: 0 điểm - Có 1 nhân sự đáp ứng yêu cầu: 15 điểm 	15

TT	Tiêu chuẩn đánh giá	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
4.2	<p>Tư vấn Giám sát viên Yêu cầu: - Có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng còn hiệu lực; + Chứng chỉ được cấp trước ngày 30/12/2024; Sử dụng chứng chỉ hành nghề giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng – công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật hoặc hạ tầng kỹ thuật (Theo Khoản 18. Điều 122; “Xử lý chuyển tiếp” của Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024). + Chứng chỉ được cấp sau ngày 30/12/2024. Sử dụng Chứng chỉ hành nghề Giám sát công tác xây dựng công trình (Theo Mục 4.1 Phụ lục VII. Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024).</p>	35	<p>- Không có nhân sự: 0 điểm - Có 3 nhân sự đáp ứng yêu cầu: 35 điểm</p>	35
	Tổng điểm kỹ thuật	100		70

Ghi chú:

(1) Thời điểm xác định hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu công việc hoàn thành.

Hợp đồng tương tự được xác định trên cơ sở tương tự về tính chất, không căn cứ vào quy mô (giá trị hợp đồng).

(2) Tùy theo tính chất của gói thầu mà quy định cho phù hợp. Ví dụ: đáp ứng về vật tư, máy móc, thiết bị (thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc đi thuê) để phục vụ công việc thí nghiệm....

(3) Uy tín của nhà thầu thông qua việc tham dự thầu, kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu thực hiện: Căn cứ gói thầu cụ thể để đưa ra tiêu chí phù hợp.

(4) Nhà thầu có thể đề xuất nhân sự chủ chốt thuộc biên chế của nhà thầu hoặc đi thuê. Nếu pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực có quy định nhân sự phải có trình độ, bằng cấp chuyên môn cụ thể để được cấp giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn thì trong E-HSMT ngoài yêu cầu về giấy phép hành nghề/chứng chỉ chuyên môn không được yêu cầu về trình độ, bằng cấp cụ thể của nhân sự chủ chốt.

2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

E-HSMT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự, chuyển giao công nghệ (nếu có) được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật;

E-HSMT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính¹:

3.1 Đối với phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá

Bước 1: Xác định giá dự thầu;

Bước 2: Sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), được thực hiện theo quy định tại Mục 24 E-CDNT;

Bước 3: Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có) trừ giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4: Xác định điểm giá.

Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times T}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

+ Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của E-HSĐXTC đang xét;

¹ Khi lập E-HSMT, Chủ đầu tư chỉ áp dụng một trong các phương pháp quy định tại mục 3.1 hoặc 3.2 hoặc 3.3 hoặc 3.4. Các phương pháp không được chọn để lập E-HSMT phải được xóa bỏ.

+ $G_{\text{thấp nhất}}$: Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;

+ $G_{\text{đang xét}}$: Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét (đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo thời gian). Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói và hợp đồng theo đơn giá là giá dự thầu sau giảm giá (nếu có) của E-HSĐXTC đang xét;

+ T: Mức điểm tối đa kỹ thuật.

Bước 5: Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

Điểm tổng hợp_{đang xét} = K x Điểm kỹ thuật_{đang xét} + G x Điểm giá_{đang xét}

Trong đó:

+ Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;

+ Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá;

+ K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 70% đến 80%;

+ G: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp, chiếm tỷ lệ từ 20% đến 30%;

+ K + G = 100%;

Bước 6: Xếp hạng nhà thầu. E-HSĐT có điểm tổng hợp cao nhất được xếp hạng thứ nhất.

CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

"Điều khoản tham chiếu" bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

I. Giới thiệu:

1. Giới thiệu về dự án:

- Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS năm 2025 trên một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ).
- Số quyết định phê duyệt dự án: Quyết định số 1512251052/QĐ-VTNet ngày 21/12/2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel.
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Mạng lưới Viettel.
- Nguồn vốn: Vốn góp của chủ sở hữu.
- Địa điểm xây dựng: Tại một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ).
- Thời gian thực hiện: Năm 2025 - 2027.

2. Giới thiệu về gói thầu:

- Tên gói thầu: 601033-ĐTRR-VTNet-TVGS2026: Giám sát thi công Công trình: Xây dựng hạ tầng trạm BTS tại một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ).
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Mạng lưới Viettel.
- Nguồn vốn: Vốn góp của chủ sở hữu.
- Tóm tắt công việc chính của gói thầu: Giám sát thi công: Triển khai thi công xây dựng 90 trạm BTS gồm 56 trạm Macro và 34 trạm RRU.
- Địa điểm thực hiện: Tại một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ).
- Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 420 ngày.

3. Mục đích tuyển chọn nhà thầu tư vấn:

- Nhằm tuyển chọn một nhà tư vấn có đủ năng lực, kinh nghiệm thực hiện tốt công tác Giám sát thi công: Triển khai thi công xây dựng 90 trạm BTS gồm 56 trạm Macro và 34 trạm RRU thuộc Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS năm 2025 trên một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ) đảm bảo dự án đạt chất lượng, đúng quy định, đúng tiến độ.

II. Phạm vi công việc:

1. Mô tả chi tiết phạm vi công việc đối với nhà thầu, nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện:

a) Phạm vi công việc:

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
1	601033-ĐTRR-VTNet-TVGS2026: Giám sát thi công Công trình: Xây dựng hạ tầng trạm BTS tại một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ) thuộc Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS năm 2025 trên một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ)	gói	01

❖ Hạng mục giám sát cụ thể:

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
I	Giám sát thi công xây dựng	Trạm	90
1	Cột dây co, trên mái, độ cao cột <= 18m, trạm macro	Trạm	3
2	Cột dây co, trên mái, độ cao cột <= 18m, trạm rru	Trạm	1
3	Cột ngụy trang, trạm trên mái	Trạm	1
4	Cột cóc <= 6m, trạm trên mái	Trạm	7
5	Cột Monopole độ cao <= 9m, trạm trên mái	Trạm	7
6	Cột tự đứng thanh giằng, độ cao <= 18m, trạm trên mái	Trạm	7
7	Cột dây co, dưới đất, độ cao cột <= 42m, trạm macro	Trạm	14
8	Cột dây co, dưới đất, độ cao cột <= 36m, trạm rru	Trạm	15
9	Cột Monopole độ cao <= 36m, trạm dưới đất	Trạm	5
10	Cột tự đứng độ cao cột <= 42m, trạm dưới đất	Trạm	10
11	Cột mono ngụy trang lồng đèn/cánh sen/cây dừa độ cao <= 30m, trạm dưới đất	Trạm	17
12	Cột tự đứng (600x600) không có móng co, trạm dưới đất	Trạm	1
13	Cột Bê tông ly tâm độ cao <= 20m, trạm dưới đất	Trạm	2
14	PM lắp ghép C04	Phòng máy	14
15	PM lắp ghép C05	Phòng máy	14

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
16	PM Minishelter	Phòng máy	14
17	PM xây mới (diện tích $\leq 12m^2$)	Phòng máy	12
18	PM xây mới (diện tích $\leq 30m^2$)	Phòng máy	1
19	PM cải tạo	Phòng máy	1
20	Tiếp địa Khoan lỗ và thả cọc đồng	Hệ thống	26
21	Tiếp địa Cọc thép (cọc L63x5)	Hệ thống	12
22	Tiếp địa Hồ gem 1,5x1,5x1m	Hệ thống	52
23	Kéo điện ngầm	Trạm	27
24	Kéo điện treo	Trạm	63
II	Giám sát lắp đặt thiết bị		
25	Mua sắm và lắp đặt điều hòa	Trạm	42
26	Lắp đặt điều hòa	Trạm	42

b) Nguồn vốn, tên cơ quan thực hiện dự án, thời gian, tiến độ thực hiện:

- Nguồn vốn: Vốn góp của chủ sở hữu.
- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Mạng lưới Viettel.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 480 ngày. Trong đó:
 - + Thời gian thực hiện dịch vụ giám sát thi công: 420 ngày kể từ ngày khởi công công trình của Chủ đầu tư.
 - + Thời gian thanh quyết toán hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh quyết toán hợp lệ.

2. Mô tả các nhiệm vụ cụ thể do nhà thầu phải tiến hành trong thời gian thực hiện hợp đồng tư vấn:

2.1. Kiểm tra các điều kiện khởi công tại hiện trường:

- Kiểm tra mặt bằng thi công, biện pháp thi công, biện pháp để đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công do Nhà thầu thi công công trình lập và phê duyệt.

2.2 Kiểm tra sự phù hợp năng lực của NTTC công trình với hồ sơ dự thầu (hoặc hồ sơ đề xuất) và hợp đồng thi công tại hiện trường:

- Kiểm tra về nhân lực, thiết bị thi công của Nhà thầu thi công công trình đưa vào công trường, khi thi công phải đảm bảo chất lượng, tiến độ,
- Kiểm tra hồ sơ quản lý chất lượng của NTTC phải được thể hiện trong hồ sơ trúng thầu, nếu trong hồ sơ trúng thầu không có hoặc thiếu thì kiến nghị CĐT yêu cầu NTTC cung cấp.
- Trường hợp hồ sơ quản lý chất lượng của NTTC không đúng như trong hồ sơ trúng thầu thì kiến nghị CĐT yêu cầu NTTC thực hiện đúng như trong hồ sơ trúng thầu, nếu NTTC có thay đổi thì phải có văn bản đề nghị và được CĐT chấp thuận bằng văn bản.

- Kiểm tra giấy phép sử dụng các máy móc, thiết bị, vật tư có yêu cầu an toàn phục vụ thi công công trình. Các máy móc thiết bị đưa vào CT phải có các tài liệu sau: Lý lịch máy, giấy chứng nhận kiểm định an toàn. Đối với các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2.3. Kiểm tra và giám sát chất lượng vật tư, vật liệu và thiết bị lắp đặt vào công trình do NTTC công trình cung cấp theo yêu cầu thiết kế:

- Kiểm tra danh mục vật tư vật liệu theo thiết kế đã được đại diện CĐT (Viettel tỉnh/TP) kiểm tra (KCS) và đưa đúng những vật tư, vật liệu đó vào CT sử dụng.

- Kiểm tra những vật liệu và bán thành phẩm phải có mẫu, catalog để CĐT duyệt mới tập kết vào công trường. Khi đưa vật liệu và bán thành phẩm vào công trường phải xuất trình chứng chỉ xuất xưởng, giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ

- Kiểm tra giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất trước khi đưa vật tư thiết bị vào công trình, phiếu kết quả thí nghiệm của các phòng thí nghiệm hợp chuẩn, của các tổ chức được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận đối với vật liệu, cấu kiện, thiết bị lắp đặt vào công trình.

- Khi nghi ngờ các kết quả kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị lắp đặt vào công trình do Nhà thầu cung cấp thì cán bộ tư vấn giám sát kiến nghị và phối hợp cùng đại diện chủ đầu tư thực hiện kiểm tra trực tiếp vật tư, vật liệu lập biên bản xác nhận vật tư, vật liệu đạt tiêu chuẩn chất lượng mới đồng ý đưa vào công trình thi công.

- Kết quả kiểm tra chất lượng và số lượng vật tư vật liệu đưa vào công trình từng thời điểm trong ngày được ghi trong nhật ký công trình, trong biên bản kiểm tra.

2.4. Giám sát trong quá trình thi công:

- Kiểm tra và giám sát thường xuyên có hệ thống quá trình NTTC công trình tại hiện trường. Kết quả kiểm tra phải được ghi nhật ký công trình và biên bản kiểm tra, giám sát theo quy định, báo cáo đại diện CĐT.

2.5. Giám sát từng hạng mục công trình:

- Bao quát và giám sát chặt chẽ từng hạng mục thi công, kiểm tra thiết kế thi công, biện pháp thi công đối chiếu với thực tế hiện trường để kịp thời phát hiện những sai sót và đưa ra các giải pháp xử lý một cách hiệu quả nhanh chóng.

- TVGS phải có mặt tại hiện trường để kiểm tra và nghiệm thu công việc hoàn thành ngay khi có phiếu yêu cầu nghiệm thu của NTTC. Việc kiểm tra nghiệm thu và ghi chép nhật ký công trình diễn ra theo một quy trình nhất định, tuần tự, không thay đổi trong suốt quá trình thi công công trình. Được gọi là thường xuyên, liên tục, có hệ thống.

- Các công việc chuyển giai đoạn, nghiệm thu giai đoạn: bắt buộc phải có mặt để thực hiện (từ chối nghiệm thu giai đoạn khi CT không đạt yêu cầu chất lượng).

- Lập biên bản yêu cầu dừng thi công đồng thời gửi biên bản cho đại diện CĐT nếu NTTC không đảm bảo công cụ dụng cụ, biện pháp an toàn thi công không đảm bảo, có nguy cơ gây mất an toàn cho người lao động, công trình thi công, vật tư, vật liệu không đảm bảo chất lượng.

2.6. Giám sát tiến độ thi công công trình:

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện của NTTC với từng hạng mục công trình, đảm bảo tiến độ thi công đúng thời gian như trong hợp đồng và kế hoạch tiến độ thi công đã duyệt.

- Nghiên cứu và đề xuất các giải pháp hay giúp rút ngắn thời gian thi công nhưng vẫn đảm bảo chất lượng công trình tốt nhất.

- Hàng ngày cảnh báo NTTC và báo cáo với đại diện CĐT về tiến độ thi công công trình. Trong bất kỳ nguyên nhân nào dẫn đến chậm tiến độ thi công, TVGS cũng phải báo cáo đại diện CĐT để giải quyết và có quyết định cụ thể, (điều chỉnh tiến độ nếu CĐT thấy cần thiết).

- Trường hợp tiến độ bị chậm quá hạn theo hợp đồng phải lập biên bản nêu rõ nguyên nhân chậm tiến độ và gửi biên bản về đại diện CĐT.

2.7. Giám sát giá thành thi công:

- Giám sát chặt chẽ phương án thi công, phối hợp với NTTC, CĐT đề xuất các giải pháp thi công giúp giảm giá thành thi công nhưng vẫn đảm bảo chất lượng, tiến độ công trình.

2.8. Xử lý phát sinh vướng mắc:

- Phối hợp với NTTC, đại diện CĐT và TVTK xử lý phát sinh vướng mắc trong quá trình thi công

2.9. Giám sát ATLĐ và vệ sinh môi trường:

- TVGS thường xuyên cảnh báo NTTC và báo cáo với đại diện CĐT về những vấn đề có nguy cơ mất an toàn lao động trên công trường:

- Kiểm tra biện pháp đảm bảo an toàn chung của Nhà thầu áp dụng cho toàn công trình.

- Kiểm tra các tài liệu an toàn về máy móc thiết bị thi công tham gia thi công công trình, các tài liệu kiểm định chứng minh sự an toàn của các thiết bị.

- Trường hợp phát hiện nguy cơ mất an toàn lao động, CBGS có thể lập biên bản tạm dừng thi công, yêu cầu nhà thầu bổ sung xong các biện pháp ATLĐ thì tiếp tục thi công.

- Kiểm tra tài liệu (sổ học an toàn) cho người lao động theo nghề phù hợp đối với tất cả công nhân tham gia thi công công trình.

- Kiểm tra và yêu cầu nhà thầu không sử dụng người lao động dưới độ tuổi lao động.

- Kiểm tra trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân trước khi khởi công và trong suốt quá trình thi công công trình.

- Kiểm tra hệ thống an toàn phòng chống cháy nổ, hệ thống cảnh báo an toàn lao động của Nhà thầu trong phạm vi toàn công trường.

- TVGS thường xuyên cảnh báo NTTC và báo cáo với đại diện CĐT những vấn đề có nguy cơ ảnh hưởng tới vệ sinh môi trường trên công trường và khu vực xung quanh

công trường. Kiểm tra biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường trong quá trình thi công bao gồm môi trường nước, môi trường không khí, chất thải rắn, tiếng ồn và các yêu cầu khác về vệ sinh môi trường.

2.10. Phối hợp nghiệm thu:

- Nhà thầu TVGS phối hợp với đại diện CĐT và NTTC trong quá trình nghiệm thu công trình.

- Đơn đốc, kiểm tra, giám sát nhà thầu thi công khắc phục lỗi tồn tại sau khi nghiệm thu phát hiện ra.

- Ký xác nhận nghiệm thu khi công trình thi công đảm bảo đúng thiết kế, theo quy chuẩn, tiêu chuẩn và đảm bảo chất lượng.

- Ký hồ sơ hoàn công trong 07 ngày nếu công trình nghiệm thu đạt chất lượng, đúng khối lượng, hoàn thành toàn bộ các hạng mục công trình, hoàn trả mặt bằng được xác nhận của đơn vị cấp phép thi công.

2.11. Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

- Kết quả kiểm tra, giám sát thể hiện bằng biên bản lập tại hiện trường, bàn giao cho Viettel tỉnh/TP ngay khi hoàn thành các nội dung kiểm tra, giám sát.

- Báo cáo trực tiếp tại công trường về tình hình tiến độ, chất lượng thi công là báo cáo định kỳ hàng tháng và theo yêu cầu của chủ đầu tư.

- Báo cáo các vi phạm tiến độ, chất lượng của NTTC, khiếm khuyết còn tồn tại và phương án xử lý tốt nhất cho chủ đầu tư.

- Chủ động yêu cầu chủ đầu tư họp với NTTC để giải quyết các vấn đề tồn tại phát sinh, chậm tiến độ và vi phạm chất lượng công trình thi công.

- Trong quá trình kiểm tra NTTC không hợp tác, khi giám sát phát hiện NTTC vi phạm chất lượng, tiến độ công trình, vật tư vật liệu B cấp, nhân lực, dụng cụ máy móc không đảm bảo, không có chứng chỉ ATLĐ, không đảm bảo ATLĐ tại công trường thi công, không vệ sinh môi trường nếu đã lập biên bản NTTC không khắc phục, không thực hiện có quyền lập biên bản đình chỉ thi công, báo cáo chủ đầu tư.

3. Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn:

- Dự kiến thời gian chuyên gia bắt đầu thực hiện dịch vụ tư vấn: Kể từ ngày khởi công công trình của Chủ đầu tư.

III. Báo cáo và thời gian thực hiện:

- Phải thường xuyên, liên tục cập nhật các công việc trên hiện trường.

IV. Kinh nghiệm và nhân sự của nhà thầu:

- Nhà thầu phải hoạt động theo đúng các quy định hiện hành: Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

- Tất cả các nội dung Tư vấn giám sát đều phải thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư và pháp luật về thực hiện đúng các thủ tục, về chất lượng sản phẩm tư vấn của mình, chịu sự kiểm tra thường xuyên của Chủ đầu tư và cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư và xây dựng.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm trước pháp luật, Chủ đầu tư về các nội dung đã cam kết trong Hợp đồng, bao gồm cả số lượng, chất lượng, thời gian thực hiện, tính chính xác của sản phẩm, chất lượng sản phẩm, nhân sự tham gia.

- Theo dõi, phối hợp giải quyết các vướng mắc, thay đổi phát sinh trong quá trình thi công.

- Kiểm tra, nghiệm thu các công tác thi công.

- Nhà thầu chịu trách nhiệm giải trình trước các cơ quan có thẩm quyền và chịu chi phí liên quan (như hội họp, đi lại...), chịu trách nhiệm giải thích nếu có bất cứ khiếu nại gì của Nhà thầu thi công.

- Thực hiện chế độ bảo hiểm nghề nghiệp tư vấn đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành.

- Đối với nhà thầu trúng thầu, sau khi nhận được thông báo trúng thầu, song song với việc thương thảo, hoàn thiện ký kết hợp đồng nhà thầu tiến hành ngay việc thống nhất sơ đồ các bộ môn giám sát thi công xây dựng đệ trình sớm nhất các phương án lên Chủ đầu tư.

- Nhà thầu phải đưa ra các giải pháp và đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả trong thi công xây dựng. Nhà thầu tư vấn phải nêu rõ các phương tiện, điều kiện làm việc chứng tỏ khả năng giám sát thi công đảm bảo chất lượng, tiêu chuẩn.

- Nhà thầu phải có đủ người có chứng chỉ hành nghề tư vấn giám sát.

- Nhà thầu phải đảm bảo rằng tất cả các nhân viên tham gia dự án đều là cán bộ của Nhà thầu, có đầy đủ hiểu biết kỹ năng chuyên môn để thực hiện việc giám sát thi công và các nhân viên trực tiếp tham gia phải có mặt thường xuyên tại công trường thi công. Nhà thầu cam kết nếu trúng thầu sẽ huy động tất cả các chuyên gia đúng theo bảng kê khai các nhân sự chủ chốt tham gia gói thầu để thực hiện các nội dung công việc.

- Nhà thầu phải cung cấp Hồ sơ tổ chức triển khai nhân sự cho Gói thầu.

V. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Chủ đầu tư sẽ cung cấp các văn bản, giấy tờ liên quan đến Dự án để nhà thầu có thể triển khai công việc của mình.

- Chủ đầu tư sẽ cung cấp các công văn giới thiệu cần thiết để tư vấn liên hệ với các cơ quan giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện dự án (nếu có).

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tư vấn thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Cử cán bộ có trình độ phù hợp cung cấp thông tin và tài liệu liên quan cho cơ quan tư vấn thực hiện nhiệm vụ.

- Tạm ứng và thanh toán cho tư vấn theo hợp đồng và đúng quy định.

- Thanh lý hợp đồng sau khi kết thúc công việc theo đúng quy định.

CHƯƠNG IV - BIỂU MẪU MỜI THẦU, DỰ THẦU VÀ HỢP ĐỒNG

STT	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01. Hạng mục công việc của gói thầu	Biểu mẫu đính kèm	X	
E-HSDXKT				
2	Mẫu số 02. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXKT			X
3	Mẫu số 02A. Bản cam kết tính hợp lệ			X
4	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
5	Mẫu số 04. Cơ cấu tổ chức và kinh nghiệm của nhà thầu tư vấn			X
6	Mẫu số 05. Những góp ý (nếu có) để hoàn thiện nội dung điều khoản tham chiếu			X
7	Mẫu số 06. Giải pháp và phương pháp luận tổng quát do nhà thầu đề xuất để thực hiện dịch vụ tư vấn (DVTV)			X
8	Mẫu số 07: Lý lịch chuyên gia tư vấn			X
9	Mẫu số 08: Tiến độ thực hiện công việc			X
10	Mẫu số 09: Danh sách chuyên gia tham gia thực hiện DVTV			X
11	Mẫu số 10. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
E-HSDXTC				
12	Mẫu số 11. Đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC			X
13	Mẫu số 12. Bảng thù lao cho chuyên gia			X
14	Mẫu số 12A. Bảng phân tích chi phí thù lao cho chuyên gia			X
15	Mẫu số 13. Chi phí khác cho chuyên gia			X
16	Mẫu số 14. Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng			X
17	Mẫu số 15. Bảng tổng hợp chi phí		X	
18	Mẫu số 17. Mẫu hợp đồng		X	

Mẫu số 01

HẠNG MỤC CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU**1. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói**

Mẫu số 01A

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
	<i>Chủ đầu tư nêu phù hợp với yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương III</i>		

2. Phần công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá

Mẫu số 01B

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng
(1)	(2)	(3)	(4)
	<i>Chủ đầu tư nêu phù hợp với yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương III</i>		

3. Phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian

Mẫu số 01C

STT	Mô tả công việc
<i>1</i>	<i>Chủ đầu tư nêu phù hợp với yêu cầu nêu tại Điều khoản tham chiếu tại Chương III</i>

Ghi chú:

- Mẫu số 01A áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói;
- Mẫu số 01B áp dụng khi gói thầu bao gồm phần công việc dựa theo đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá;
- Mẫu số 01C áp dụng cho phần công việc dựa trên lương chuyên gia và chi phí khác ngoài lương, áp dụng loại hợp đồng trọn gói hoặc hợp đồng theo thời gian;
- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục công việc khác nhau thì có thể áp dụng đồng thời các Mẫu số 01A, 01B, 01C tương ứng cho từng hạng mục công việc.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(Thuộc E-HSĐXKT)

Ngày: ___ [*Nhà thầu điền thông tin*]

Tên gói thầu: ___ [*Nhà thầu điền thông tin*]

Kính gửi: ___ [*Tên Chủ đầu tư*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ___ [*Nhà thầu điền thông tin*], Mã số thuế: ___ [*Nhà thầu điền thông tin*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Nhà thầu điền thông tin*] số E-TBMT: ___ [*Nhà thầu điền thông tin*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSĐXKT: ___ [*Nhà thầu điền thông tin hiệu lực của E-HSĐXKT phù hợp với quy định tại Mục 15 E-CNDT*]

BẢN CAM KẾT TÍNH HỢP LỆ
(Kèm theo đơn dự thầu thuộc HSDXKT)

Ngày: ____

Tên gói thầu: [Nhà thầu điền tên gói thầu].

Kính gửi: [Nhà thầu điền tên Chủ đầu tư].

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ____, Mã số thuế: ____ cam kết:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam; Đối với hộ kinh doanh: Có giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh theo quy định của pháp luật.
2. Hạch toán tài chính độc lập;
3. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập, hoạt động; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản; Đối với hộ kinh doanh: Không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh; chủ hộ kinh doanh không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
4. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự ⁽¹⁾;
5. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu các gói thầu của Tập đoàn hoặc các Đơn vị thành viên của Tập đoàn tổ chức theo quy định của pháp luật về đấu thầu, quy định mua sắm thường xuyên, quy chế về lựa chọn nhà thầu của Tập đoàn và các Đơn vị thành viên; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu trên phạm vi toàn quốc theo quy định của pháp luật về đấu thầu;
6. Có tên trong Danh sách ngăn đối với trường hợp đã lựa chọn được Danh sách ngăn.
7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm Quy chế LCNT Viettel khác khi tham dự gói thầu này;
8. Những thông tin kê khai trong E-HSMT là trung thực;
9. Trường hợp trúng thầu, E-HSMT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSMT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

Ghi chú:

(1) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

THỎA THUẬN LIÊN DANHNgày: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*]Gói thầu: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*]Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*]Căn cứ E-HSMT gói thầu: _____ [*Nhà thầu điện thông tin*] với số E-TBMT: ___*Nhà thầu điện thông tin*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*]Mã số thuế: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*]Mã số thuế: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*]Mã số thuế: ___ [*Nhà thầu điện thông tin*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu ___ [*Nhà thầu điện thông tin*] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [*Nhà thầu điện thông tin*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: ___ [*ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác ____ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu ____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [Nhà thầu điện thông tin] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công ____ [Nhà thầu điện thông tin thành viên lập liên danh] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.
[- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với chủ đầu tư trong quá trình tham dự thầu, văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;
- Tham gia và ký các văn bản quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất)	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu ____ [Nhà thầu điện thông tin] thuộc Dự án/Khoản đầu tư ____ [Nhà thầu điện thông tin] theo thông báo của chủ đầu tư.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[Ký và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[Ký và đóng dấu]

Ghi chú:

- (1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.
- (3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục công việc nêu trong điều khoản tham chiếu, đề xuất kỹ thuật, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ THẦU TƯ VẤN

A. Cơ cấu tổ chức của nhà thầu

[Mô tả tóm tắt quá trình hình thành và tổ chức của nhà thầu (trường hợp liên danh thì mô tả tổ chức của mỗi thành viên trong liên danh). Mô tả số lượng chuyên gia tư vấn chuyên ngành mà nhà thầu ký hợp đồng lao động dài hạn hoặc không xác định thời hạn và nêu rõ số năm kinh nghiệm của từng chuyên gia].

B. Kinh nghiệm của nhà thầu

Các gói thầu DVTV tương tự do nhà thầu thực hiện trong vòng _____ *[Ghi số năm]*¹ năm gần đây.

Nhà thầu phải sử dụng bảng sau để kê khai cho mỗi DVTV tương tự như DVTV được yêu cầu trong gói thầu này mà nhà thầu đã thực hiện (với tư cách là nhà thầu độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác hoặc là nhà thầu phụ). Đối với từng công việc tương tự, nhà thầu tư vấn phải cung cấp bản tóm tắt bao gồm tên của nhân sự chủ chốt và nhà thầu phụ của nhà thầu đã tham gia, thời gian thực hiện công việc, giá hợp đồng (trường hợp nhà thầu tham dự thầu là thành viên liên danh hoặc là nhà thầu phụ thì ghi rõ khối lượng công việc, giá trị đảm nhận với vai trò thành viên liên danh, nhà thầu phụ).

Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của các chuyên gia với vai trò tư vấn cá nhân hoặc làm chuyên gia cho các nhà thầu tư vấn khác chỉ được tính vào kinh nghiệm làm việc của bản thân chuyên gia, không tính vào kinh nghiệm thực hiện hợp đồng của nhà thầu nộp E-HSDT.

¹ Ghi số năm cụ thể căn cứ tính chất và yêu cầu của gói thầu (thông thường là 3, 4 hoặc 5 năm, đối với nhà thầu thành lập ít hơn 3 năm vẫn tiếp tục xem xét, đánh giá mà không loại nhà thầu).

Thời gian	Tên công việc [mô tả tóm tắt các kết quả, sản phẩm chính]	Tên gói thầu, tên dự án/dự toán mua sắm, chủ đầu tư, địa điểm làm việc	Giá trị hợp đồng [trường hợp liên danh thì nêu giá trị DVTV do nhà thầu thực hiện]	Vai trò trong công việc [ghi nhà thầu, nhà thầu phụ, thành viên trong liên danh]	Thời gian thực hiện gói thầu [ghi rõ từ ngày... đến ngày...]	Thời gian thực hiện gói thầu thực tế [từ ngày... đến ngày...] Trường hợp chậm trễ thì nêu rõ lý do

Nhà thầu phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan.

**NHỮNG GÓP Ý (NẾU CÓ) ĐỂ HOÀN THIỆN
NỘI DUNG ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU**

[Nhà thầu trình bày những nội dung sửa đổi để hoàn thiện điều khoản tham chiếu nhằm thực hiện hợp đồng]

Đề xuất bổ sung, sửa đổi điều khoản tham chiếu:

1.

2.

3.

4.

5.

**GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN TỔNG QUÁT
DO NHÀ THẦU ĐỀ XUẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỊCH VỤ TƯ VẤN**

Nhà thầu chuẩn bị đề xuất kỹ thuật (cả biểu đồ) gồm 3 phần:

- 1. Giải pháp và phương pháp luận*
- 2. Kế hoạch công tác*
- 3. Tổ chức và nhân sự*

Giải pháp và phương pháp luận. [Mô tả hiểu biết về mục tiêu của công việc ghi trong Điều khoản tham chiếu, cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận sẽ áp dụng để thực hiện công việc nhằm đạt được kết quả dự kiến và mức độ chi tiết của kết quả đó. Đối với gói thầu tư vấn giám sát, giải pháp và phương pháp luận cần bao gồm cả khía cạnh môi trường, xã hội. Nhà thầu lưu ý không sao chép, nhắc lại Điều khoản tham chiếu trong phần này]

Kế hoạch thực hiện. [Đưa ra kế hoạch thực hiện các hoạt động/công việc chính, nội dung và thời gian hoạt động, phân kỳ hoạt động và tương quan giữa các kỳ, các mốc chính (bao gồm các bước phê duyệt tạm thời của chủ đầu tư) và ngày dự kiến giao nộp báo cáo. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với cách tiếp cận kỹ thuật và phương pháp luận, thể hiện sự hiểu biết về Điều khoản tham chiếu và khả năng chuyển Điều khoản tham chiếu thành kế hoạch thực hiện khả thi. Cần đính kèm danh sách các tài liệu hoàn chỉnh (bao gồm báo cáo) sẽ phải giao nộp. Kế hoạch thực hiện phải thống nhất với Kế hoạch tiến độ]

Tổ chức và Nhân sự. [Mô tả cơ cấu và thành phần nhóm chuyên gia, bao gồm danh sách các nhân sự chủ chốt, nhân sự khác, nhân viên hỗ trợ kỹ thuật và hành chính liên quan]

LÝ LỊCH CHUYÊN GIA TƯ VẤN

Tên nhà thầu:

Tên và số của vị trí tư vấn	<i>[Ví dụ: K-1, TRƯỞNG NHÓM]</i>
Tên chuyên gia tư vấn:	<i>[điền tên đầy đủ]</i>
Ngày sinh:	<i>[ngày/tháng/năm]</i>
Quốc tịch	

Trình độ học vấn: [liệt kê trường cao đẳng/đại học hoặc khóa học chuyên ngành, nêu tên của cơ sở đào tạo, thời gian học, loại bằng cấp đã đạt được]

Quá trình công tác phù hợp với công việc: [Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia theo Bảng sau, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp với công việc đang yêu cầu]

Thời gian (từ...đến...)	Tên cơ quan, đơn vị, vị trí đảm nhận và thông tin liên hệ để tham chiếu	Địa điểm làm việc	Tóm tắt công việc đã làm phù hợp với công việc đang yêu cầu

Thành viên của Hiệp hội chuyên ngành, tổ chức nghề nghiệp và tác phẩm đã xuất bản:

Ngôn ngữ (Chỉ nêu những ngôn ngữ có thể dùng để làm việc):

Tôi xin cam đoan các thông tin nêu trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Người khai

[Ký tên, chức danh và ghi rõ họ tên]

Ghi chú:

- Từng cá nhân chuyên gia tư vấn trong danh sách nêu tại Mẫu số 09 phải kê khai Mẫu này.

- Nhà thầu scan hợp đồng lao động; bản chụp bằng tốt nghiệp, chứng chỉ hành nghề chuyên môn của các chuyên gia tư vấn nêu trên đính kèm cùng E-HSDT.

TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC

Stt	Nội dung công việc ⁽¹⁾	Tháng/ngày thứ ⁽²⁾ [Nhà thầu chọn tháng hoặc ngày trên Hệ thống]							
		1	2	3	4	5	n	Tổng
1	[Ví dụ: Hạng mục công việc 1:								
	1) Thu thập dữ liệu								
	2) Soạn thảo báo cáo								
	3) Báo cáo sơ bộ								
	4) Tổng hợp ý kiến								
	5) ...								
	6) Báo cáo cuối cùng]								
2	[Hạng mục công việc 2]								
...									
n									

Ghi chú:

- (1) Liệt kê tất cả hạng mục công việc, trong mỗi hạng mục công việc phải nêu tiến độ thực hiện các công việc cụ thể.
- (2) Thời gian cho mỗi công việc cụ thể thể hiện bằng biểu đồ, trường hợp cần thiết nhà thầu có ghi chú, giải thích biểu đồ.

Ghi chú:

(1) Trường hợp Mục 14.3 **E-CDNT** có quy định, nhà thầu chọn người/tháng hoặc người/ngày phù hợp với quy định tại Mục này; nhà thầu phải đề xuất tổng số công cho nhân sự chủ chốt không ngắn hơn quy định tại Mục 14.3 **E-CDNT**.

(2) Hạng mục công việc được Nhà thầu trích xuất theo Mẫu số 08 Chương III.

(3) Vị trí, số lượng nhân sự chủ chốt phù hợp với yêu cầu nêu tại Bảng số 01 Mục 2 Chương IV.

PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ ⁽¹⁾

STT	Tên nhà thầu phụ ⁽²⁾	Phạm vi công việc ⁽³⁾	Khối lượng công việc ⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính ⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Sau đó, nếu được lựa chọn thì khi huy động thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSĐT. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(thuộc E-HSDXTC)

Ngày: ___ [Nhà thầu điền thông tin]

Tên gói thầu: ___ [Nhà thầu điền thông tin]

Kính gửi: ___ [Tên Chủ Đầu tư]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [Nhà thầu điền thông tin] cam kết thực hiện gói thầu ___ [Nhà thầu điền thông tin] số E-TBMT: ___ [Nhà thầu điền thông tin] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ___ [Nhà thầu điền giá] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSDXTC: ___ [Nhà thầu điền thông tin hiệu lực của E-HSDXKT phù hợp với quy định tại Mục 15 E-CNDT]

BẢNG THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA (*)

STT	Họ và tên (1)	Chức danh bố trí trong gói thầu (2)	Địa điểm làm việc (3)	Thù lao/tháng- (ngày) người (4)	Số tháng (ngày) người (5)	Thù lao cho chuyên gia (6) = (4) x (5)	Tổng (7)
I Nhân sự chủ chốt							
1	[Lấy từ Mẫu số 09]	[Lấy từ Mẫu số 09]	Công ty	[Lấy từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Lấy từ Mẫu số 09]	(a)	(a)+(b)
			Thực địa	[Lấy từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Lấy từ Mẫu số 09]	(b)	
2		Công ty				
			Thực địa				
II Nhân sự khác							
1	[Lấy từ Mẫu số 09]	[Lấy từ Mẫu số 09]	Công ty	[Lấy từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Lấy từ Mẫu số 09]		
			Thực địa	[Lấy từ Mẫu 12A khi có yêu cầu phân tích thù lao]	[Lấy từ Mẫu số 09]		
2		Công ty				
			Thực địa				
Tổng cộng							(A)

Ghi chú:

- (*): Mẫu này áp dụng cho các công việc thuộc Mục 3 Mẫu số 01C Chương này.
- (1), (2), (5): Lấy từ Mẫu số 09 Chương này.
- (4): Nhà thầu điền trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia theo Mẫu số 12A. Trường hợp E-HSMT yêu cầu phân tích thù lao cho chuyên gia thì nhà thầu hoàn thành Mẫu số 12A và trích xuất thông tin vào cột này.

BẢNG PHÂN TÍCH CHI PHÍ THÙ LAO CHO CHUYÊN GIA

STT	Họ tên chuyên gia	Chức danh	Địa điểm làm việc	Lương cơ bản	Chi phí xã hội ¹ % của (3)	Chi phí quản lý chung ² % của (3)	Cộng (3)+(4)+(5)	Lợi nhuận % của (6)	Phụ cấp xa nhà	Thù lao cho chuyên gia/tháng (ngày) (6)+(7)+(8)
	(1)	(1a)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A		Công ty							
			Thực địa							
...			Công ty							
			Thực địa							

Ghi chú: Trường hợp không yêu cầu nhà thầu phân tích chi tiết chi phí thù lao chuyên gia thì không sử dụng Mẫu này

¹ Chi phí xã hội: bao gồm các chi phí như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc trách nhiệm của người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật hiện hành;

² Chi phí quản lý chung: là chi phí chung của nhà thầu không liên quan trực tiếp đến việc thực hiện gói thầu được tính theo đầu người, bao gồm các chi phí như: chi phí thuê trụ sở, điện nước, truyền thông, nghiên cứu phát triển...

CHI PHÍ KHÁC CHO CHUYÊN GIA

STT	Miêu tả	Đơn vị tính	Chi phí/đơn vị (1)	Số lượng (2)	Chi phí (3)
1	[Công tác phí]	[Ngày]		[Hệ thống tự tính trên cơ sở tổng số ngày làm việc thực địa của các nhân sự nêu tại Mẫu số 09]	(1)x(2)
2	[Chuyến bay]	[Chuyến]			
3	[Chi phí liên lạc]				
4	[Thiết bị, tài liệu...]				
5	[Chi phí đi lại trong nước]				
6	[Thuê văn phòng, thư ký hỗ trợ]				
7	[Đào tạo nhân sự của chủ đầu tư]				
Tổng chi phí					(B)

**CHI PHÍ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC
DỰA TRÊN ĐƠN GIÁ VÀ KHỐI LƯỢNG**

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (bao gồm VAT)	Thành tiền (bao gồm VAT)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
I	Phân công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng trọn gói				(M1)
1					
2					
...					
II	Phân công việc dựa trên đơn giá và khối lượng, áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá				(M2)
	Các công việc				
1					
2					
...					
Tổng cộng					M=(M1+M2)

Ghi chú:

- (1) (2) (3) (4): Lấy từ Mẫu số 01A và 01B thuộc Mẫu số 01
- (5) Nhà thầu điền đơn giá đã bao gồm các chi phí cần thiết để thực hiện dịch vụ, kể cả thuế, phí, lệ phí.

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ

Thù lao cho chuyên gia	(A)
Chi phí khác cho chuyên gia	(B)
Chi phí hạng mục công việc dựa trên đơn giá và khối lượng	(M)
Tổng chi phí	$A + B + M$

Ghi chú:

Mục A, B, M: Lấy từ các Mẫu số 12, 13, 14

Tổng chi phí: trích xuất ra giá dự thầu trong đơn dự thầu thuộc E-HSDXTC.

THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG⁽¹⁾

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Tên nhà thầu trúng thầu*] (sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”)

Về việc: Thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng

Căn cứ Quyết định số ____ ngày ____ tháng ____ năm ____ của _____ [*tên chủ đầu tư*] (sau đây gọi tắt là “Chủ đầu tư”) về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu _____ [*tên, số hiệu gói thầu*], Chủ đầu tư thông báo chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng cho Nhà thầu để thực hiện gói thầu _____ [*tên, số hiệu gói thầu*] với giá hợp đồng là _____ [*giá trúng thầu trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*] với thời gian thực hiện gói thầu là _____ [*thông tin trong quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu*].

Đề nghị đại diện hợp pháp của Nhà thầu tiến hành hoàn thiện và ký kết hợp đồng với Chủ đầu tư theo kế hoạch như sau:

- Thời gian hoàn thiện hợp đồng: _____ [*ghi thời gian hoàn thiện hợp đồng*], tại địa điểm⁽²⁾ _____ [*ghi địa điểm hoàn thiện hợp đồng*].

Văn bản này là một phần không thể tách rời của hồ sơ hợp đồng. Sau khi nhận được văn bản này, Nhà thầu hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo quy định nêu trên. Chủ đầu tư sẽ từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng với Nhà thầu trong trường hợp phát hiện năng lực hiện tại của nhà thầu không đáp ứng yêu cầu thực hiện gói thầu.

Nếu đến ngày ____ tháng ____ năm ____ mà Nhà thầu không tiến hành hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc từ chối hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo các yêu cầu nêu trên thì Nhà thầu sẽ bị loại.

Ghi chú:

(1) Trong quá trình hoàn thiện hợp đồng, các bên phải điền đầy đủ và đưa toàn bộ nội dung, bao gồm cả các nội dung hiệu chỉnh, bổ sung, làm rõ trong quá trình lựa chọn nhà thầu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng (nếu có) vào điều kiện cụ thể của hợp đồng để hình thành tài liệu hợp đồng.

(2) Khuyến khích thực hiện hoàn thiện hợp đồng qua phương tiện điện tử. Trường hợp việc hoàn thiện hợp đồng thực hiện trực tiếp thì Chủ đầu tư điền thông tin về địa điểm (văn phòng, cơ quan Chủ đầu tư...) để Nhà thầu đến tiến hành hoàn thiện hợp đồng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

MẪU SỐ 5: HỢP ĐỒNG MUA SẺ DỊCH VỤ TƯ VẤN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 14400/QĐ-CNVTQĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025)

HỢP ĐỒNG

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Hợp đồng số:.....

Gói thầu số 601033-ĐTRR-VTNet-TVGS2026: Giám sát thi công Công trình: Xây dựng hạ tầng trạm BTS tại một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ)

Thuộc dự án: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS năm 2025 trên một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ)

Căn cứ Bộ Luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 12869/QĐ-CNVTKĐ ngày 20/10/2025 về việc ban hành quy chế lựa chọn nhà thầu tại Công ty mẹ Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội;

Căn cứ Quyết định số 14400/QĐ-CNVTKĐ ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội về việc “Ban hành mẫu hợp đồng trong nước trong lựa chọn nhà thầu tại Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội”;

Căn cứ Quyết định sốcủa Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel về việc phê duyệt dự án.....

Căn cứ Quyết định sốcủa Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án.....

Căn cứ Quyết định số của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel về việc phê duyệt E-HSMT Gói thầu.....;

Căn cứ Quyết định số..... của Tổng Công ty Mạng lưới Viettel về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 601033-ĐTRR-VTNet-TVGS2026: Giám sát thi công Công trình: Xây dựng hạ tầng trạm BTS tại một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ),

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A):

Tên chủ đầu tư: TỔNG CÔNG TY MẠNG LƯỚI VIETTEL – CHI NHÁNH TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP - VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI

Địa chỉ: Lô B1C cụm sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội .

Điện thoại: 024.62692149

Mã số thuế: 0100109106-012

Tài khoản: 0081188889999

Ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch Hà Nội

Đại diện là: **Ông Lưu Mạnh Hà.**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Nhà thầu (sau đây gọi là Bên B)

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:

Mã số thuế:

Tài khoản:

Ngân hàng:

Đại diện là:

Chức vụ:

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn với các nội dung sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Đối tượng của hợp đồng là các dịch vụ được nêu chi tiết tại Phụ lục I “ Bảng tổng hợp giá hợp đồng” kèm theo.

Điều 2. Trách nhiệm của Bên A

Chủ đầu tư cam kết thanh toán cho Nhà thầu theo giá hợp đồng và phương thức nêu tại Điều 4 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được quy định tại Điều kiện Hợp đồng.

Điều 3. Trách nhiệm của Bên B

1. Thực hiện các công việc được nêu tại Điều 1 của hợp đồng này;
2. Đảm bảo huy động và bố trí nhân sự được liệt kê tại Phụ lục II “Nhân sự của nhà thầu” để thực hiện dịch vụ;
3. Các trách nhiệm và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
4. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong Điều kiện Hợp đồng.

Điều 4. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán

a) Giá hợp đồng:**VND.**

(Bằng chữ.....)

Số tiền này bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.

- Giá hợp đồng ban đầu (không bao gồm thuế):.....**VND**

- Giá trị thuế (VAT 8%) :.....**VND**

- Dự phòng (5%):.....**VND**

(Phần chi phí dự phòng này do chủ đầu tư quản lý và chỉ được sử dụng để thanh toán khi có phát sinh theo quy định tại hợp đồng).

b) Thời hạn và phương thức thanh toán: Theo quy định tại Mục 10.2 Điều kiện Hợp đồng.

Bên A thanh toán cho Bên B theo địa chỉ thanh toán như sau:

- Người hưởng lợi:.....
- Ngân hàng:
- Số tài khoản:

Điều 5. Thời gian thực hiện hợp đồng:

- Thời gian thực hiện hợp đồng: 480 ngày. Trong đó:
 - + Thời gian thực hiện dịch vụ giám sát thi công: 420 ngày kể từ ngày khởi công công trình của Chủ đầu tư.
 - + Thời gian thanh quyết toán hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh quyết toán hợp lệ.
- Thời hạn thực hiện Hợp đồng nói trên bao gồm cả thứ 7, Chủ nhật, ngày nghỉ Lễ, Tết theo quy định của Nhà nước và không bao gồm các trường hợp bất khả kháng quy định trong hợp đồng.
- Ngoại trừ trường hợp công trình ngừng thi công vì những lý do bất khả kháng, các trường hợp khác Chủ đầu tư phải gửi văn bản cho Nhà thầu đề nghị tạm ngừng quá trình giám sát, để tránh phát sinh chi phí giám sát do kéo dài thời gian cho Nhà thầu đồng thời Nhà thầu được quyền điều chuyển cán bộ giám sát đến công trình khác nhằm đảm bảo cuộc sống cho người lao động. Tuy nhiên, trong vòng 03 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu tiếp tục thực hiện công việc của Chủ đầu tư, Nhà thầu phải đảm bảo đủ nhân sự theo yêu cầu của Hợp đồng.

Điều 6. Nội dung, khối lượng công việc tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình

1. Nội dung, khối lượng công việc và sản phẩm của Nhà thầu tư vấn thực hiện được thể hiện cụ thể trong Phụ lục số... [E-HSMT của Chủ đầu tư] và các thỏa thuận tại các biên bản đàm phán hợp đồng giữa các bên bao gồm các công việc chủ yếu sau:

a) Nội dung công việc của hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm giám sát về chất lượng, khối lượng, tiến độ, an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công.

b) Nội dung công việc cụ thể của giám sát thi công xây dựng công trình thực hiện theo khoản 1 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

2. Nhà thầu tư vấn phải lập và trình sản phẩm của hợp đồng tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình bao gồm:

a) Báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng theo quy định tại Phụ lục IVA Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. Chủ đầu tư quy định việc lập báo cáo định kỳ hoặc báo cáo theo giai đoạn thi công xây dựng và thời điểm lập báo cáo.

b) Báo cáo hoàn thành công tác giám sát thi công xây dựng gói thầu, giai đoạn, hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại Phụ lục IVB Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

c) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Chủ đầu tư.

Điều 7. Yêu cầu về chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng:

Chất lượng sản phẩm tư vấn xây dựng phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về quản lý dự án đầu tư xây dựng và quản lý chất lượng công trình xây dựng, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn xây dựng phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng tư vấn xây dựng.

Điều 8. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng:

1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng:

- Hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết giữa các bên.
- Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát thi công xây dựng;
- Nhiệm vụ và quy trình giám sát thi công xây dựng được duyệt;
- Quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng được áp dụng cho hợp đồng tư vấn xây dựng.

2. Nghiệm thu sản phẩm tư vấn:

Nghiệm thu sản phẩm được tiến hành một hoặc nhiều lần theo khối lượng công việc hoàn thành. Nghiệm thu lần cuối sau khi đã nhận đầy đủ hồ sơ, tài liệu sản phẩm tư vấn xây dựng do Nhà thầu tư vấn cung cấp, Chủ đầu tư căn cứ vào hợp đồng này, các tiêu chuẩn, quy chuẩn để tổ chức nghiệm thu sản phẩm tư vấn xây dựng. Những sai sót trong sản phẩm tư vấn xây dựng Nhà thầu tư vấn phải hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng..

Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành là biên bản nghiệm thu chất lượng của cả hợp đồng (theo quy định về quản lý chất lượng công trình) có ghi cả khối lượng.

Điều 9. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

1. Quyết toán hợp đồng

a) Việc quyết toán hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 37/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 50/2021/NĐ-CP.

b) Trong vòng 15 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn theo hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Chủ đầu tư rằng Nhà thầu tư vấn đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ trình cho Chủ đầu tư 04 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Biên bản nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc tư vấn.
- Bản xác nhận giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có).
- Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng trong đó nêu rõ phần đã thanh toán và giá trị còn lại mà Chủ đầu tư phải thanh toán cho Nhà thầu tư vấn.

c) Nếu Chủ đầu tư không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu tư vấn chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Nhà thầu tư vấn sẽ cung cấp thêm thông tin khi Chủ đầu tư có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Nhà thầu tư vấn sẽ chuẩn bị và trình cho Chủ đầu tư quyết toán hợp đồng như hai bên đã thống nhất.

d) Sau khi hợp đồng được quyết toán theo quy định, Chủ đầu tư sẽ thanh toán toàn bộ giá trị còn lại của hợp đồng cho nhà thầu.

2. Việc thanh lý hợp đồng phải được hoàn tất trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc bị chấm dứt theo Mục 19 [Điều kiện hợp đồng].

Điều 10. Hiệu lực hợp đồng

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày được đại diện có thẩm quyền của hai bên ký và đóng dấu.

2. Hợp đồng được tự động thanh lý sau khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng (ngoại trừ các nghĩa vụ được quy định tại khoản 6 điều này) trừ trường hợp các Bên có thỏa thuận khác.

3. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hợp đồng được thanh lý.

4. Nếu có những điểm trong Hợp đồng này mất hiệu lực pháp lý thì phần còn lại của Hợp đồng vẫn có hiệu lực ràng buộc các bên.

5. Mọi sửa đổi, điều chỉnh và bổ sung cho Hợp đồng này sẽ chỉ có hiệu lực khi được làm thành văn bản và có chữ ký đầy đủ của đại diện có thẩm quyền của hai bên. Phụ lục sửa đổi Hợp đồng sẽ được coi là một phần không tách rời của Hợp đồng và có hiệu lực kể từ ngày đại diện có thẩm quyền của hai bên ký.

6. Hợp đồng được lập trên sự chấp thuận của tất cả các bên và có giá trị pháp lý như hợp đồng bằng văn bản./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

<p>1. Định nghĩa</p>	<p>Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>1.1. “Chủ đầu tư” là tổ chức được quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;</p> <p>1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.4. “Nhà thầu phụ” là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để tham gia thực hiện công việc tư vấn;</p> <p>1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;</p> <p>1.6. “Giá hợp đồng” là giá trị ghi trong hợp đồng giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);</p> <p>1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;</p> <p>1.8. “Dịch vụ tư vấn” là toàn bộ công việc do Nhà thầu thực hiện theo hợp đồng:.....</p> <p>1.9. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất toàn bộ công việc theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;</p> <p>1.10. “Địa điểm dự án” tại một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ);</p> <p>1.11. “Chi phí khác” là tất cả chi phí ngoài lương của tư vấn có liên quan đến Dịch vụ tư vấn;</p> <p>1.12 “Thời gian thực hiện hợp đồng” được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi các bên đã hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký (ngoại trừ các nghĩa vụ quy định tại Điều 6 của Văn bản hợp đồng).</p>
<p>2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên</p>	<p>Tất cả các tài liệu sau đây (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau và được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây:</p> <p>a) Văn bản hợp đồng, kèm theo các phụ lục hợp đồng gồm bảng tổng hợp giá hợp đồng, nhân sự của nhà thầu:</p> <p style="padding-left: 20px;"><i>- Phụ lục I: Bảng tổng hợp giá hợp đồng;</i></p> <p style="padding-left: 20px;"><i>- Phụ lục II: Nhân sự của nhà thầu;</i></p> <p>b) Điều kiện Hợp đồng; [Điều kiện Hợp đồng sẽ được hoàn thiện dựa trên kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa Chủ đầu tư và nhà thầu]</p> <p>c) Biên bản thương thảo hợp đồng, hoàn thiện hợp đồng;</p> <p>d) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu</p>

<p>3. Luật áp dụng và ngôn ngữ sử dụng</p>	<p>3.1. Luật điều chỉnh hợp đồng là pháp luật Việt Nam. 3.2. Ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.</p>
<p>4. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng</p>	<p>4.1. Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của nhà thầu trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của chủ đầu tư, trừ trường hợp Hợp đồng có quy định khác. Nhà thầu có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.</p> <p>4.2. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.</p> <p>4.3. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.</p> <p>4.4. Nghĩa vụ của chủ đầu tư và nhà thầu quy định tại Mục 4.2 và Mục 4.3 Điều kiện Hợp đồng không áp dụng đối với các thông tin sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thông tin mà chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền; b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của chủ đầu tư hoặc nhà thầu; c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp; d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin. <p>4.5. Các quy định tại Mục 4 Điều kiện Hợp đồng không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp dịch vụ tư vấn.</p> <p>4.6. Các quy định tại Mục 4 Điều kiện Hợp đồng tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.</p>

5. Bản quyền	<p>5.1. Trừ trường hợp Hợp đồng có quy định khác, tất cả báo cáo, số liệu và thông tin có liên quan như bản đồ, sơ đồ, kế hoạch, cơ sở dữ liệu, các tài liệu khác do Nhà thầu tổng hợp hoặc thực hiện cho chủ đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng phải được bảo mật và thuộc quyền sở hữu duy nhất của chủ đầu tư.</p> <p>Ngay khi chấm dứt hay hết hạn Hợp đồng, Nhà thầu có nghĩa vụ nộp tất cả các tài liệu nêu trên cho chủ đầu tư kèm theo bản kê chi tiết về các tài liệu. Nhà thầu có thể lưu giữ bản sao của các tài liệu, dữ liệu, phần mềm này nhưng không được sử dụng cho các mục đích không liên quan đến Hợp đồng khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của chủ đầu tư.</p> <p>5.2. Trường hợp phải có thỏa thuận cho phép sử dụng giữa Nhà thầu và bên thứ ba để lập, xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm khác, nhà thầu phải được chủ đầu tư chấp thuận trước bằng văn bản đối với các thỏa thuận này. chủ đầu tư có quyền yêu cầu bù đắp các chi phí liên quan đến việc xây dựng các bản vẽ, thông số kỹ thuật, thiết kế, cơ sở dữ liệu, các tài liệu và phần mềm nêu trên.</p> <p>5.3. Nhà thầu phải cam kết rằng dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của bất kỳ bên thứ ba nào.</p> <p>5.4. Nhà thầu phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà nhà thầu cung cấp cho chủ đầu tư.</p>
6. Bảo hiểm	<p>6.1. Nhà thầu phải mua và duy trì đồng thời yêu cầu các nhà thầu phụ (nếu có) mua và duy trì bảo hiểm rủi ro và các loại bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>6.2. Nhà thầu phải bảo đảm mua các loại bảo hiểm đó trước khi thực hiện công việc tư vấn.</p>
7. Loại hợp đồng	Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.
8. Giá hợp đồng	<p>Giá hợp đồng là toàn bộ chi phí để hoàn thành toàn bộ nội dung công việc của gói thầu trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của Hợp đồng. Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp.</p> <p><i>Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định: đơn giá không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện đối với toàn bộ nội dung công việc trong hợp đồng.</i></p>
9. Thuế, phí	Nhà thầu, nhà thầu phụ có trách nhiệm thanh toán các nghĩa vụ thuế, phí (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng.

10. Tạm ứng và thanh toán	<p>10.1. Tạm ứng: Không tạm ứng.</p> <p>10.2. Thanh toán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương thức thanh toán: Chuyển khoản. - Đồng tiền thanh toán: VND. - Thời hạn thanh toán: <p>Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu thành nhiều đợt, mỗi đợt thanh toán tối thiểu từ 01 trạm trở lên. Trong vòng 30 ngày sau khi công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu 100% giá trị giám sát của từng trạm theo hợp đồng sau khi Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ quyết toán hợp lệ của Nhà thầu.</p>
11. Bảo hành sản phẩm của dịch vụ	<p>Việc bảo hành sản phẩm của dịch vụ: <i>Không áp dụng.</i></p>
12. Thời gian thực hiện hợp đồng	<p>12.1. Thời gian thực hiện hợp đồng: 480 ngày. Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian thực hiện dịch vụ giám sát thi công: 420 ngày kể từ ngày khởi công công trình của Chủ đầu tư. + Thời gian thanh quyết toán hợp đồng: 60 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh quyết toán hợp lệ.
13. Sửa đổi hợp đồng	<p>13.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp cần phải thay đổi các điều khoản trong hợp đồng thì trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được đề nghị sửa đổi hợp đồng của chủ đầu tư hoặc nhà thầu, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc sửa đổi này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.</p> <p>13.2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên được điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành các nội dung quy định cụ thể trong hợp đồng trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trường hợp bất khả kháng hoặc phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở nhà thầu trong việc thực hiện hợp đồng và không liên quan đến vi phạm hoặc sơ suất của các bên tham gia hợp đồng; b) Thay đổi, điều chỉnh dự án, phạm vi công việc, phạm vi cung cấp, thiết kế, giải pháp thi công chủ đạo, biện pháp cung cấp do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng; c) Một hoặc các bên đề xuất sáng kiến, cải tiến thực hiện hợp đồng mà cần thay đổi tiến độ nhằm mục đích mang lại lợi ích cao hơn cho chủ đầu tư; d) Tạm dừng hợp đồng do lỗi của chủ đầu tư ảnh hưởng đến tiến độ hợp đồng mà không do lỗi của nhà thầu;

đ) Tạm dừng thực hiện công việc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà không do lỗi của chủ đầu tư, nhà thầu;

e) Các trường hợp khác: *Không có*

Khi điều chỉnh các mốc thời gian hoàn thành mà không vượt thời gian thực hiện hợp đồng thì chủ đầu tư và nhà thầu thống nhất điều chỉnh, trường hợp vượt thì chủ đầu tư và nhà thầu chỉ được thỏa thuận, thống nhất việc điều chỉnh khi được người có thẩm quyền cho phép.

13.3. Trường hợp phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu có sự thay đổi ảnh hưởng tới giá hợp đồng, hai bên thỏa thuận, thống nhất về thay đổi nội dung công việc, giá hợp đồng để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng.

13.4 Các trường hợp được điều chỉnh khối lượng, phạm vi và trình tự, thủ tục điều chỉnh khối lượng:

- Đối với các khối lượng đã có đơn giá trong hợp đồng được xác định theo khối lượng hoàn thành thực tế (tăng hoặc giảm so với khối lượng trong hợp đồng đã ký) được nghiệm thu. Phần khối lượng phát sinh tăng hai bên thống nhất áp dụng đơn giá nhỏ nhất giữa đơn giá hợp đồng đã ký và đơn giá dự toán được chủ đầu tư phê duyệt.

- Đối với khối lượng công việc phát sinh chưa có đơn giá trong Hợp đồng thì đơn giá mới được xác định theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng và phải được Chủ đầu tư phê duyệt. Hai bên thống nhất đơn giá áp dụng thanh toán cho nhà thầu được xác định trên cơ sở đơn giá dự toán được Chủ đầu tư phê duyệt giảm giá 2% và đảm bảo tổng giá trị thanh quyết toán cho nhà thầu không vượt giá trị hợp đồng đã ký kết. Trường hợp vượt giá trị hợp đồng hai bên phải ký phụ lục hợp đồng để thanh toán khối lượng phát sinh ngoài hợp đồng.

13.5. Điều chỉnh thuế:

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) đồng thời Nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định, hướng dẫn của Nhà nước.

- Đối với khối lượng công việc được nghiệm thu trước ngày 31/12/2026 áp dụng thuế VAT 8% theo Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính Phủ về quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội.

- Đối với khối lượng công việc được nghiệm thu sau ngày 31/12/2026 sẽ áp dụng thuế VAT theo văn bản hướng dẫn của Nhà nước tại thời điểm nghiệm thu.

<p>14. Nhân sự</p>	<p>14.1. Nhà thầu phải huy động tất cả chuyên gia để thực hiện các nội dung công việc như đã đề xuất trong E-HSDT trừ trường hợp giữa nhà thầu và chủ đầu tư có thỏa thuận khác. Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì nhà thầu phải báo cáo và được sự chấp thuận của chủ đầu tư. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự đã đề xuất trước đó.</p> <p>14.2. Chủ đầu tư có quyền yêu cầu nhà thầu thay thế nhân sự trong trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình hoặc không đúng với nhân sự đã đề xuất trong E-HSDT. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của chủ đầu tư, trong thời gian 15 ngày, nhà thầu phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được chủ đầu tư chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do nhà thầu chịu. Mức thù lao cho nhân sự thay thế không vượt mức thù lao cho người bị thay thế.</p>
<p>15. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu</p>	<p>15.1. Quyền của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến việc thực hiện dịch vụ tư vấn; b) Từ chối thực hiện công việc không hợp lý ngoài nội dung Hợp đồng; c) Được đảm bảo quyền tác giả theo quy định của pháp luật (đối với những sản phẩm tư vấn có quyền tác giả); d) Được quyền yêu cầu chủ đầu tư thanh toán đúng hạn theo quy định tại Mục 10 Chương này. <p>15.2. Nghĩa vụ của nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Chịu trách nhiệm đối với chất lượng các sản phẩm tư vấn của mình; b) Nộp cho chủ đầu tư các báo cáo và các tài liệu với số lượng và thời gian quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc tư vấn có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện; c) Có trách nhiệm hoàn thành đúng tiến độ và giao nộp các sản phẩm tư vấn theo quy định trong Hợp đồng. Nhà thầu có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do chủ đầu tư tổ chức (nếu có); d) Thực hiện công việc đúng pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng và đảm bảo rằng Nhà thầu phụ (nếu có), nhân lực của Nhà thầu và Nhà thầu phụ sẽ luôn tuân thủ pháp luật. Phải cam kết khi có yêu cầu của chủ đầu tư, nhà thầu hoặc nhà thầu phụ sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của chủ đầu tư (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm tư vấn;

	<p>đ) Có trách nhiệm cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho các cuộc họp, báo cáo, thẩm định ... với số lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư;</p> <p>e) Thu thập các thông tin cần thiết để phục vụ cho công việc tư vấn theo Hợp đồng;</p> <p>g) Giữ bí mật thông tin liên quan đến dịch vụ tư vấn mà hợp đồng và pháp luật có quy định.</p> <p>h) Bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra khi thực hiện không đúng nội dung hợp đồng tư vấn xây dựng đã ký kết.</p> <p>i) Cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên A cho tới ngày hoàn thành và bàn giao công trình đối với tư vấn thiết kế công trình xây dựng.</p> <p>15.3. Hạn chế chuyển giao nghĩa vụ, quyền yêu cầu:</p> <p>a) Nhà thầu cam kết không được tự ý chuyển giao toàn bộ hoặc một phần quyền và nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng này (bao gồm nhưng không giới hạn ở quyền yêu cầu thanh toán, quyền yêu cầu thực hiện nghĩa vụ, quyền yêu cầu bồi thường, nghĩa vụ thực hiện công việc trong hợp đồng) cho bất kỳ bên thứ ba nào (các tổ chức tín dụng, cá nhân, tổ chức khác) dưới bất kỳ hình thức nào (bao gồm nhưng không giới hạn như thế chấp, chuyển nhượng) mà không có sự đồng ý bằng văn bản của Chủ Đầu tư.</p> <p>b) Trường hợp Nhà thầu có nhu cầu chuyển giao quyền, nghĩa vụ, Nhà thầu phải gửi văn bản đề nghị cho Chủ Đầu tư ít nhất ba mươi (30) ngày trước ngày dự kiến chuyển giao, kèm theo thông tin chi tiết về bên nhận chuyển giao và nội dung quyền, nghĩa vụ được chuyển giao.</p> <p>c) Chủ Đầu tư có quyền từ chối việc chuyển giao nếu xét thấy bên nhận chuyển giao không đáp ứng các điều kiện về năng lực pháp lý, tài chính hoặc có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện Hợp đồng hoặc ảnh hưởng đến Chủ Đầu tư.</p> <p>d) Mọi hành vi chuyển giao nghĩa vụ, quyền yêu cầu trái với quy định tại Điều này đều bị coi là vi phạm Hợp đồng. Chủ Đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ nghĩa vụ, thiệt hại hoặc rủi ro nào phát sinh từ việc chuyển giao trái phép đó.</p> <p>15.4 Hai bên cam kết thực hiện đúng những Điều đã quy định trong hợp đồng này. Khi một bên có kiến nghị, đề xuất, yêu cầu thì bên kia phải có trách nhiệm trả lời.</p>
<p>16. Nhà thầu phụ</p>	<p>16.1. Danh sách nhà thầu phụ (nếu có)</p> <p>Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ quy định nêu trên để thực hiện một phần công việc nêu trong Biên bản thương thảo. Việc sử dụng Nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của Nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do Nhà thầu phụ thực hiện.</p>

	<p>Việc thay thế, bổ sung Nhà thầu phụ trong danh sách các Nhà thầu phụ nêu trong Biên bản thương thảo hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong Biên bản thương thảo chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận và không vượt mức tối đa giá trị công việc dành cho Nhà thầu phụ nêu trong hợp đồng; việc sử dụng Nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, Nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu;</p> <p>16.2. Giá trị công việc mà các Nhà thầu phụ quy định tại Mục 16.1 Điều kiện Hợp đồng thực hiện không được vượt quá 30% phần trăm (30%).</p> <p>16.3. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và Nhà thầu phụ</p> <p>16.4. Yêu cầu khác về Nhà thầu phụ: <i>Không</i>.</p>
<p>17. Phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại</p>	<p>17.1. Phạt vi phạm hợp đồng: Áp dụng</p> <p>a) Phạt vi về tiến độ:</p> <p>Nếu nhà thầu chậm tiến độ thực hiện hợp đồng thì phạt 1 % giá hợp đồng cho mỗi ngày chậm/từng mốc thời gian bị chậm nhưng tổng số tiền phạt không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>b) Phạt vi phạm về chất lượng</p> <p>Nhà thầu sẽ bị phạt 1% giá trị hợp đồng đối với mỗi vi phạm về chất lượng (nhưng không quá 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm), bao gồm nhưng không giới hạn những lỗi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không phối hợp với chủ đầu tư trong việc nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng. - Không phối hợp với chủ đầu tư trong việc điều chỉnh/bổ sung thiết kế và dự toán - Những vi phạm về chất lượng khác <p>c. Nếu chấm dứt hợp đồng theo Điều 20 [Chấm dứt hợp đồng] thì Nhà thầu bị phạt 12% giá trị hợp đồng bị vi phạm.</p> <p>d) Trường hợp chủ đầu tư chậm thanh toán cho nhà thầu theo quy định tại Mục 10 Điều kiện Hợp đồng thì phải trả lãi cho nhà thầu theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định. Thời gian được tính kể từ ngày đầu tiên chậm thanh toán cho đến ngày chủ đầu tư thanh toán đầy đủ cho nhà thầu.</p> <p>17.2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Trong trường hợp vi phạm hợp đồng, bên vi phạm hợp đồng có trách nhiệm bồi thường cho bên còn lại toàn bộ thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên bị vi phạm phải chịu do bên vi phạm gây ra và khoản lợi trực tiếp mà bên bị vi phạm đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm hợp đồng theo quy định của pháp luật.</p>

<p>18. Tạm dừng hợp đồng</p>	<p>18.1. Chủ đầu tư có thể tạm dừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Nhà thầu bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu về việc tạm dừng nếu nhà thầu không thực hiện một nghĩa vụ cụ thể nào của mình theo Hợp đồng với điều kiện thông báo đó phải (i) nêu rõ nội dung của việc không thực hiện được; và (ii) yêu cầu Nhà thầu có biện pháp khắc phục trong thời gian không quá ba mươi (30) ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo tạm dừng đồng thời nhà thầu phải bồi thường thiệt hại (nếu có) cho chủ đầu tư do tạm ngừng công việc</p> <p>18.2. Tạm ngừng công việc bởi Nhà thầu</p> <p>a) Nếu chủ đầu tư không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho chủ đầu tư, Nhà thầu có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).</p> <p>b) Sau khi chủ đầu tư thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Nhà thầu phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.</p> <p>c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, chủ đầu tư xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.</p> <p>d) Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì Nhà thầu phải thông báo cho chủ đầu tư biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện.</p>
<p>19. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu</p>	<p>19.1. Chủ đầu tư có thể chấm dứt việc thực hiện một phần hoặc toàn bộ hợp đồng bằng cách thông báo bằng văn bản cho nhà thầu khi nhà thầu không thực hiện nội dung công việc như quy định sau:</p> <p>a. Bỏ dở công việc hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng;</p> <p>b. Không có lý do chính đáng mà lại không tiếp tục thực hiện công việc;</p> <p>c. Cho thầu phụ thực hiện toàn bộ công việc của gói thầu hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự đồng ý của chủ đầu tư;</p> <p>d. Không đáp ứng công việc theo quy định tại Hợp đồng này hoặc kéo dài thời hạn hoàn thành do lỗi của nhà thầu theo quy định tại Hợp đồng này;</p> <p>e. Nhà thầu cố ý trình chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của chủ đầu tư;</p>

	<p>f. Nhà thầu không bố trí được nhân sự chủ chốt hoặc nhân sự thay thế không có trình độ kinh nghiệm và năng lực tương đương;</p> <p>g. Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua tòa án phân xử.</p> <p>19.2. Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu và không phải chịu bất kỳ trách nhiệm bồi thường nào. Nhà thầu có trách nhiệm bàn giao lại toàn bộ hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, thiết bị, sản phẩm, tài sản được bàn giao từ hợp đồng (nếu có) trong vòng 05 ngày làm việc từ ngày nhận thông báo.</p> <p>Quyền của Chủ đầu tư theo điều này không ảnh hưởng đến quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại và các biện pháp khắc phục khác theo hợp đồng và pháp luật.</p> <p>19.3. Trong trường hợp chủ đầu tư chấm dứt việc thực hiện một phần hay toàn bộ hợp đồng theo Mục 19.1 Điều kiện Hợp đồng, chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.</p>
<p>20. Trường hợp bất khả kháng</p>	<p>20.1. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi vụ việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.</p> <p>20.2. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.</p> <p>20.3. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.</p>

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

20.4. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

20.5. Trong thời gian không thực hiện được Dịch vụ do sự kiện bất khả kháng, theo yêu cầu của chủ đầu tư, Nhà thầu có nghĩa vụ:

(a) Ngừng huy động chuyên gia, trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ được hoàn trả những chi phí phát sinh mà họ phải chi trả một cách hợp lý và cần thiết. Trường hợp được chủ đầu tư yêu cầu phục hồi lại Dịch vụ thì nhà thầu còn được hoàn trả chi phí này; hoặc

(b) Tiếp tục thực hiện Dịch vụ trong chừng mực có thể; trong trường hợp này, Nhà thầu sẽ tiếp tục được thanh toán theo điều khoản của Hợp đồng và được hoàn trả những chi phí phát sinh thêm một cách hợp lý và cần thiết.

Trường hợp phát sinh tranh chấp giữa các bên do sự kiện bất khả kháng xảy ra hoặc kéo dài thì tranh chấp sẽ được giải quyết theo quy định tại Mục 21 Điều kiện Hợp đồng.

20.6. Chấm dứt hợp đồng và thanh toán hợp đồng trong trường hợp bất khả kháng (nếu có)

a) Nếu việc thực hiện các công việc của hợp đồng bị dừng do bất khả kháng đã được thông báo theo quy định của hợp đồng trong khoảng thời gian mà tổng số ngày bị dừng lớn hơn số ngày do bất khả kháng đã được thông báo, thì một trong hai bên có quyền gửi thông báo chấm dứt hợp đồng cho bên kia.

b) Đối với trường hợp chấm dứt này, chủ đầu tư sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:

- Các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được hoàn thành theo giá đã được nêu trong hợp đồng.

- Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho gói thầu (nếu có) đã được chuyển tới cho Nhà thầu. Thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của chủ đầu tư khi đã được chủ đầu tư thanh toán và Nhà thầu sẽ để cho chủ đầu tư sử dụng.

<p>21. Giải quyết tranh chấp</p>	<p>21.1. Nhà thầu và chủ đầu tư có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng.</p> <p>21.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng trong thời gian : 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế như sau: Các bên sẽ gửi vấn đề lên Trọng tài để xử lý tranh chấp theo các quy tắc của Việt Nam (<i>hoặc Tòa án Nhân dân</i>) theo quy định của pháp luật. Quyết định của Trọng tài (<i>hoặc Tòa án Nhân dân</i>) là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc với các bên . Các bên có quyền đưa tranh chấp ra tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật để giải quyết. Phí tòa án và chi phí luật sư của Bên còn lại sẽ do Bên thua kiện chịu.</p>
<p>22. Thông báo</p>	<p>22.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người nhận: Ông Lưu Mạnh Hà – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Mạng lưới Viettel. - Địa chỉ: Lô B1C cụm sản xuất tiêu thủ công nghiệp và công nghiệp nhỏ, phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội - Điện thoại: 024.62692149 - Fax: 024.62660069 <p>22.2. Thông báo của một bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.</p>

PHỤ LỤC I: BẢNG TỔNG HỢP GIÁ HỢP ĐỒNG

Đính kèm theo Hợp đồng số.....

Gói thầu số 601033-ĐTRR-VTNet-TVGS2026: Giám sát thi công Công trình: Xây dựng hạ tầng trạm BTS tại một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ)

Thuộc dự án: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS năm 2025 trên một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ)

STT	Danh mục dịch vụ	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá (đã bao gồm VAT 8%)	Thành tiền (đã bao gồm VAT 8%)
I	Giám sát thi công xây dựng				
1				
2				
3				
4				
II	Giám sát lắp đặt thiết bị				
1				
2				
3				
III	Tổng cộng				
IV	Chi phí dự phòng (5%)				
V	Tổng cộng giá hợp đồng (đã bao gồm VAT 8%, DP 5%)				

PHỤ LỤC II: DANH SÁCH NHÂN SỰ CỦA GÓI THẦU

Đính kèm theo Hợp đồng số.....

Gói thầu số 601033-ĐTRR-VTNet-TVGS2026: Giám sát thi công Công trình: Xây dựng hạ tầng trạm BTS tại một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ)

Thuộc dự án: Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng trạm BTS năm 2025 trên một phần địa bàn tỉnh Hưng Yên (thuộc phạm vi tỉnh Hưng Yên cũ)

TT	Họ và tên	Chuyên gia dự kiến	Trình độ chuyên môn
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10

GIẤY ỦY QUYỀN ⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu], là người đại diện theo pháp luật của ____ [ghi tên nhà thầu] có địa chỉ tại ____ [ghi địa chỉ của nhà thầu] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [ghi tên, số CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự thầu gói thầu ____ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ____ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] do ____ [ghi tên chủ đầu tư] tổ chức:

[- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình thương thảo hợp đồng;

- Tham gia, ký các tài liệu trong quá trình hoàn thiện hợp đồng]⁽²⁾.

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [ghi tên nhà thầu]. ____ [ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà thầu] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản, chủ đầu tư giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[ghi tên, chức danh, ký tên và
đóng dấu (nếu có)]

Người ủy quyền

[ghi tên người đại diện theo pháp luật của
nhà thầu, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho chủ đầu tư khi đối chiếu tài liệu, thương thảo, hoàn thiện hợp đồng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà thầu để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà thầu thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà thầu hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình đối thương thảo, hoàn thiện, Giấy ủy quyền phải bảo đảm có hiệu lực trước ngày thực hiện các công việc được ủy quyền.